



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 80

Ngày 15 tháng 9 năm 2018

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

12-7-2018- Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND về việc bãi bỏ văn bản. 3

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

31-7-2018- Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 5

- 09-8-2018- Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 18
- 21-8-2018- Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp tổ chức thực hiện cưỡng chế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội. 75

### **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 30-7-2018- Chỉ thị số 06/CT-UBND về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019. 86
- 20-8-2018- Quyết định số 3509/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính. 101

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

### NGHỊ QUYẾT Về việc bãi bỏ văn bản

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN (Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 2014/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc bãi bỏ văn bản; Báo cáo thẩm tra số 389/BC-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2018 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Nay bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 07/2015/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương tạm thời áp dụng các quy định của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng

nhân dân thành phố về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ cho năm học 2015 – 2016.

Lý do: Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ cho năm học 2015 – 2016 đã hết hiệu lực thi hành. Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành Nghị quyết số 102/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016 về quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Quyết Tâm**

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2018/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là bản Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ

Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018; Bãi bỏ Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội được Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động và Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức đang quản lý, sử dụng tài sản công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại:

1. Cơ quan nhà nước (gọi tắt là cơ quan).
2. Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị).
3. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo, hỗ trợ 100% kinh phí hoạt động (gọi tắt là tổ chức).

##### **Điều 2. Tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức**

1. Tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức gồm:
  - a) Đất đai.
  - b) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất.
  - c) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc thiết bị (phổ biến, chuyên dùng), hàng hóa, dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức là tài sản được hình thành do nhà nước giao tài sản cho cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, sử dụng; được đầu tư, mua sắm bằng tiền do ngân sách nhà nước cấp, từ tiền hàng viện trợ, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khấu hao tài sản, nguồn kinh phí khác và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

#### **Điều 3. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với cơ quan, tổ chức**

Việc phân cấp quản lý đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh, theo Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

#### **Điều 4. Thẩm quyền quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công từ nguồn kinh phí thường xuyên**

1. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này ban hành và các quy định của Bộ Tài chính có liên quan.

2. Về thẩm quyền ban hành quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:

- Đối với tài sản công đã có quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước của Bộ quản lý chuyên ngành hoặc của Ủy ban nhân dân thành phố: Giao thủ trưởng cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định.

- Đối với tài sản công chưa có chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa của Bộ quản lý chuyên ngành hoặc Ủy ban nhân dân thành phố: Giao Thủ trưởng cơ quan, tổ chức căn cứ hướng dẫn của nhà sản xuất và thực tế sử dụng tài sản công quy định chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thuộc phạm vi cơ quan, tổ chức quản lý.



**Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công**

1. Đối với việc mua sắm trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất và xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc mua sắm.

2. Đối với việc mua xe ô tô chuyên dùng, phương tiện vận tải khác: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đối với các cơ quan, tổ chức cấp thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách quận - huyện hàng năm, quyết định đối với các cơ quan, tổ chức cấp quận - huyện.

3. Đối với việc mua sắm các tài sản khác: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quyết định việc mua sắm từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán hàng năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định.

4. Đối với việc mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các pháp luật khác có liên quan.

Việc tổ chức mua sắm tài sản quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này phải phù hợp với tiêu chuẩn định mức, theo quy định của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan. Trường hợp tài sản mua sắm thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp quốc gia và mua sắm tập trung theo danh mục phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố thì phải thực hiện mua sắm tập trung theo quy định.

**Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức**

1. Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức được thực hiện trong trường hợp khi chưa có tài sản hoặc còn thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức thuộc một trong những trường hợp sau:

- Nhà nước không có tài sản để giao và không thuộc trường hợp khoán kinh phí sử dụng tài sản công;

- Sử dụng tài sản trong thời gian ngắn hoặc sử dụng không thường xuyên;

- Việc thuê tài sản hiệu quả hơn so với việc đầu tư xây dựng, mua sắm.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Đối với các tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc): giao Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quận -

huyện căn cứ vào tình hình thực tế về nhu cầu sử dụng tài sản quyết định việc thuê tài sản phục vụ hoạt động cho cơ quan, tổ chức mình.

4. Phương thức thuê, việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thuê tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Thẩm quyền thu hồi tài sản công**

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Đối với xe ô tô và phương tiện vận tải khác của các cơ quan, tổ chức: cấp nào quyết định mua sắm thì cấp đó quyết định thu hồi tài sản.

3. Các tài sản khác của các cơ quan, tổ chức:

a) Đối với tài sản của cơ quan, tổ chức cấp thành phố: giao Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi.

b) Đối với tài sản của cơ quan, tổ chức cấp quận - huyện: giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định thu hồi.

### **Điều 8. Thẩm quyền điều chuyển tài sản công**

Việc điều chuyển tài sản công chỉ được thực hiện giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị xã hội thuộc thành phố.

Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố quản lý:

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Đối với xe ô tô và phương tiện vận tải khác của các cơ quan, tổ chức: Cấp nào quyết định mua sắm thì cấp đó quyết định điều chuyển tài sản. Riêng đối với trường hợp điều chuyển tài sản từ các cơ quan, tổ chức thuộc quận, huyện sang các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố hoặc sang cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc quận, huyện khác thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển tài sản.

Các trường hợp điều chuyển tài sản tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này chỉ trong phạm vi các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố quản lý. Nếu điều chuyển sang cơ

quan, đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương hoặc tỉnh, thành phố khác quản lý thì Bộ Tài chính quyết định điều chuyển.

3. Các tài sản khác tại các cơ quan, tổ chức:

a) Việc điều chuyển tài sản giữa các Sở - ngành, tổ chức của thành phố, cơ quan, tổ chức quận - huyện: do Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển.

b) Việc điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong nội bộ Sở - ngành, tổ chức thuộc thành phố và quận - huyện: do Thủ trưởng Sở - ngành, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định điều chuyển, đồng thời báo cáo Sở Tài chính để theo dõi quản lý.

**Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công**

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất: do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán (bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất), trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức có liên quan và Sở Tài chính.

2. Đối với xe ô tô và phương tiện vận tải khác của các cơ quan, tổ chức: cấp nào quyết định mua sắm thì cấp đó quyết định bán tài sản.

3. Các tài sản khác của các cơ quan, tổ chức:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản của các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố và quận - huyện đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng cơ quan chủ quản (cơ quan, tổ chức thuộc thành phố), Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện (cơ quan, tổ chức thuộc quận, huyện) quyết định bán tài sản đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

**Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công**

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất: do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý tháo dỡ trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức có liên quan và Sở Tài chính.

Riêng việc thanh lý tháo dỡ trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân các quận - huyện để đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định (trừ trụ sở làm việc là các công trình kiến trúc phải bảo tồn).

2. Đối với xe ô tô và phương tiện vận tải khác của các cơ quan, tổ chức: cấp nào quyết định mua sắm thì cấp đó quyết định thanh lý tài sản.

3. Các tài sản khác của các cơ quan, tổ chức:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản của các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố và quận - huyện có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng cơ quan chủ quản (cơ quan, tổ chức thuộc thành phố), Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện (cơ quan, tổ chức thuộc quận huyện) quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

### **Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công**

Việc tiêu hủy tài sản công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức có liên quan và Sở Tài chính.

### **Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác: do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức có liên quan và Sở Tài chính.

2. Các tài sản khác của các cơ quan, tổ chức:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản của các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố và quận - huyện có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản theo quy định.

b) Thủ trưởng cơ quan chủ quản (cơ quan, tổ chức thuộc thành phố), Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện (cơ quan, tổ chức thuộc quận huyện) quyết định xử lý tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

## **Chương III**

### **NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (ĐƠN VỊ)**

### **Điều 13. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc từ nguồn**

**vốn ngân sách, từ nguồn viện trợ không hoàn lại, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp**

Việc phân cấp quản lý đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh theo Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Điều 14. Thẩm quyền quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công**

Việc bảo dưỡng, sửa chữa thực hiện theo nội dung Điều 4 Quy định này.

Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập do đơn vị tự bảo đảm bằng nguồn kinh phí được phép sử dụng; đối với tài sản công chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thì thực hiện theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

**Điều 15. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công**

1. Đối với việc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô phục vụ công tác: do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Đối với việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng, phương tiện vận tải khác: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đối với các đơn vị cấp thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách quận - huyện hàng năm, quyết định đối với các đơn vị cấp quận - huyện.

3. Đối với việc mua máy móc, thiết bị (phổ biến, chuyên ngành) và các tài sản khác:

a) Trường hợp sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên, nguồn viện trợ không hoàn lại: căn cứ vào dự toán hàng năm hoặc dự án viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

b) Trường hợp sử dụng nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khấu hao tài sản và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định: căn cứ vào kế hoạch mua sắm hàng năm về máy móc, thiết bị được Thủ trưởng cơ quan chủ quản thuộc thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt, Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định. Riêng đối với các tài sản khác giao Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm.

c) Trường hợp, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

4. Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư do Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Việc tổ chức mua sắm tài sản quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này phải phù hợp với tiêu chuẩn định mức, theo quy định của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan. Trường hợp tài sản mua sắm thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp quốc gia và mua sắm tập trung theo danh mục phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố thì phải thực hiện mua sắm tập trung theo quy định.

#### **Điều 16. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị**

1. Việc thuê tài sản để phục vụ hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư do Thủ trưởng đơn vị quyết định thuê tài sản từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị;

Trường hợp, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

#### **Điều 17. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công để sử dụng vào mục đích kinh doanh**

1. Việc sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô, phương tiện vận chuyển khác và các tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/một đơn vị tài sản của đơn vị vào mục đích kinh doanh: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định, theo đề nghị của đơn vị, cơ quan chủ quản và ý kiến Sở Tài chính. Trường hợp, trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 tỷ đồng trở lên, phải xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trước khi Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

2. Việc sử dụng các tài sản khác của đơn vị vào mục đích kinh doanh: Do Thủ trưởng đơn vị quyết định và tổ chức thực hiện theo quy định.

**Điều 18. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê**

1. Việc sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, phương tiện vận chuyển khác và các tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/một đơn vị tài sản của đơn vị vào mục đích cho thuê: do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo đề nghị của đơn vị, cơ quan chủ quản và Sở Tài chính. Trường hợp, trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 tỷ đồng trở lên, phải xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trước khi Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

2. Việc sử dụng các tài sản khác của đơn vị vào mục đích cho thuê: do Thủ trưởng đơn vị quyết định và tổ chức thực hiện theo quy định.

**Điều 19. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật**

Việc sử dụng tài sản công tại đơn vị để liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về đề án sử dụng tài công vào mục đích liên doanh, liên kết.

**Điều 20. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị**

Việc thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị được thực hiện theo nội dung Điều 7, 8 Quy định này.

**Điều 21. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị**

Việc bán tài sản công tại đơn vị được thực hiện theo nội dung Điều 9 Quy định này.

**Điều 22. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị**

- Việc thanh lý tài sản là nhà đất, công trình sự nghiệp, vật kiến trúc trên đất; xe ô tô, phương tiện vận tải khác và tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thực hiện theo nội dung Điều 10 Quy định này;

- Đối với tài sản khác: do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định và tổ

chức thực hiện theo quy định.

**Điều 23. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công**

Việc tiêu hủy tài sản công thực hiện theo nội dung Điều 11 Quy định này.

Kinh phí tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 24. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

Việc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo nội dung Điều 12 Quy định này.

**Chương IV**

**NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG CỦA  
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC**

**Điều 25. Thẩm quyền quyết định giao tài sản, điều chuyển tài sản công để phục vụ hoạt động của dự án**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc giao, điều chuyển tài sản công do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư, mua sắm hoặc quản lý để phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị có liên quan và Sở Tài chính.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định việc giao, điều chuyển tài sản công do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư, mua sắm hoặc quản lý để phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quận - huyện quản lý.

**Điều 26. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản phục vụ hoạt động của dự án**

Việc mua sắm, thuê tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 90 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

**Điều 27. Thẩm quyền quyết định việc điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước**



Việc điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo nội dung quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quy định này.

**Điều 28. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán, thanh lý tài sản là kết quả dự án sử dụng vốn nhà nước (trong trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản)**

Việc điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước (trong trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản) thực hiện theo nội dung quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quy định này.

#### **Chương IV** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 29. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện; cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý, sử dụng đối với tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức. Trong đó quy định rõ trách nhiệm của bộ phận, cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài sản công. Đồng thời, chỉ đạo tổ chức việc quản lý, sử dụng tài sản công một cách tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định. Thực hiện việc đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm, thuê, thanh lý, bán, điều chuyển, tiêu hủy và xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức theo đúng các quy định tại quy định này và các quy định khác có liên quan.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp tài sản công tại quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, Ủy ban nhân dân quận - huyện kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2018/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư  
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2448/TTr-STNMT-BTTĐC ngày 10 tháng 3 năm 2018, số 5737/TTr-STNMT-BTTĐC ngày 15 tháng 6 năm 2018 và số 6786/TTr-STNMT-BTTĐC ngày 17 tháng 7 năm 2018; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 10617/STP-VB ngày 20 tháng 10 năm 2017 và số 1244/STP-VB ngày 07 tháng 02 năm 2018.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng hoặc không điều chỉnh theo Quyết định này;

2. Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo chính sách, phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quyết định này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2018.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyền**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước  
thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND  
ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Khi Nhà nước thu hồi đất tại các Điều 61, 62, Điểm đ và e Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013; Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Khoản 60 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP;

b) Khi Nhà nước xây dựng công trình công cộng, quốc phòng, an ninh có hành lang bảo vệ an toàn mà không thu hồi đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn quy định tại Điều 94 Luật Đất đai năm 2013.

2. Trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư bị hư hỏng nặng có nguy cơ sụp đổ và nhà chung cư nguy hiểm thuộc cấp D theo quy định tại Mục 5.3.2.3 của TCVN 9381:2012 không thuộc phạm vi áp dụng Quy định này.

3. Đối với dự án sử dụng vốn vay của các tổ chức quốc tế, nước ngoài mà Nhà nước Việt Nam có cam kết về Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện theo Khung chính sách đó.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

### **Điều 3. Nội dung phân cấp, phân công Ủy ban nhân dân quận - huyện**

Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp, phân công Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện:

1. Thẩm định, phê duyệt giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua căn hộ chung cư phục vụ tái định cư (kể cả nhà ở xã hội).

2. Đối với các dự án đầu tư do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư mà phải di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng; dự án thu hồi đất liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Bộ, ngành phê duyệt, tổ chức lập, tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thực hiện tại địa phương sau khi đã có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ, ngành có dự án đầu tư;

b) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thực hiện tại địa phương đã được phê duyệt;

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để quyết toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với Bộ, ngành có dự án đầu tư sau khi thực hiện xong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất của dự án.

### **Điều 4. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh gồm: Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện.

## **Chương II BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT**

**Điều 5. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất (Thực hiện theo Điều 74 Luật Đất đai năm 2013)**

1. Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 thì được bồi thường.

2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

3. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

**Điều 6. Xác định hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất** (Thực hiện theo Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP; Điều 31, 32 Thông tư số 36/TT-BTNMT)

Sau khi thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân quận - huyện được ủy quyền có trách nhiệm tổ chức khảo sát, điều tra hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định giá; tổ chức điều tra, khảo sát giá đất phổ biến trên thị trường để đề xuất hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì cùng các đơn vị liên quan xem xét, gửi Hội đồng Thẩm định giá đất thành phố để thẩm định và trình duyệt theo quy định.

**Điều 7. Bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng** (Thực hiện theo Điều 76 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điều 3 Thông tư số 37/TT-BTNMT)

1. Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh (nêu tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) thì được bồi thường, hỗ trợ như sau:

a) Đối với đất nông nghiệp:

- Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm: 50.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: 40.000 đồng/m<sup>2</sup>.

b) Đối với đất nuôi trồng thủy sản:

- Nuôi trồng chuyên canh: 50.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Nuôi trồng bán chuyên canh: 30.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- c) Đối với đất làm muối: 11.400 đồng/m<sup>2</sup>.
- d) Đối với đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất: 25.000 đồng/m<sup>2</sup>.
- đ) Đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở: 50.000 đồng/m<sup>2</sup>.

2. Chi phí đầu tư vào đất còn lại của trường hợp có hồ sơ, chứng từ chứng minh sau khi đã xác định mà thấp hơn mức bồi thường theo Khoản 1 trên thì Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét hỗ trợ thêm cho bằng mức bồi thường, hỗ trợ theo Khoản 1 Điều này.

**Điều 8. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở** (Thực hiện theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điều 4 Thông tư số 37/TT-BTMNT)

1. Phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở (nêu tại Điểm a và b Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) là không đủ điều kiện về diện tích đất ở để cấp phép xây dựng (bao gồm cả trường hợp cấp phép xây dựng có thời hạn) theo quy định.

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì giao Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ tình hình thực tế để xem xét bán cho mỗi hộ đủ điều kiện tách hộ (hoặc có chung quyền sử dụng thửa đất ở):

a) Nếu dự án có quỹ căn hộ chung cư để bố trí tái định cư: Bố trí một (01) căn hộ chung cư tái định cư trong quỹ căn hộ chung cư tái định cư phục vụ dự án theo giá tái định cư được duyệt của dự án.

b) Nếu dự án chỉ tái định cư bằng nền đất: Bố trí một (01) nền đất trong quỹ nền đất tái định cư phục vụ dự án theo giá tái định cư được duyệt của dự án nhưng tổng diện tích đất ở bố trí không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi.

c) Các trường hợp quy định tại Điểm a, b Khoản này nếu có hoàn cảnh khó khăn thì được giải quyết trả chậm, trả góp theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 Quy định này.

**Điều 9. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân** (Thực hiện theo Điều 80 Luật Đất đai năm



2013; Khoản 3, Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng đang trực tiếp sử dụng đất thì được bồi thường về đất. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo thời hạn sử dụng đất còn lại.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư. Giá đất ở tính thu tiền sử dụng đất, giá bán nhà ở tái định cư thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 36 Quy định này.

**Điều 10. Bồi thường, hỗ trợ đối với đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng dân gian**  
(Thực hiện theo Khoản 3 Điều 78 Luật Đất đai năm 2013; Điều 5 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Đất do cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng dân gian đang sử dụng ổn định, nếu là đất có nguồn gốc được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất thì không được bồi thường, nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

2. Đất do cơ sở tôn giáo đang sử dụng có nguồn gốc từ nhận chuyển nhượng, được tặng, cho, hiến cúng của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và đủ điều kiện được xem xét công nhận quyền sử dụng đất thì tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

a) Đối với phần diện tích đất có các công trình chính như chùa, nhà thờ, thánh thất, thánh đường, tu viện, trụ sở phục vụ cho việc thờ cúng: Tính bồi thường theo giá của loại đất đủ điều kiện xem xét công nhận quyền sử dụng đất và được hỗ trợ thêm để tổng mức bồi thường cộng khoản hỗ trợ thêm bằng giá đất ở vị trí liền kề quy định tại chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án được duyệt.

b) Đối với phần diện tích của các công trình phụ trợ và các công trình có tính cảnh quan gắn liền với kiến trúc chính, trong cùng khuôn viên: Tính bồi thường theo giá của loại đất đủ điều kiện xem xét công nhận quyền sử dụng đất và được hỗ trợ thêm để tổng mức bồi thường cộng khoản hỗ trợ thêm bằng giá đất phi nông nghiệp không phải đất ở có vị trí liền kề quy định tại chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt.

c) Đối với phần diện tích đang sử dụng hợp pháp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, sản xuất lâm nghiệp, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, làm cơ sở hoạt động từ thiện: Tính bồi thường, hỗ trợ theo pháp lý và loại đất như của hộ gia đình, cá nhân.

3. Đất do cơ sở tín ngưỡng dân gian đang sử dụng có nguồn gốc từ nhận chuyển nhượng, được tặng, cho, hiến cúng của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và đủ điều kiện được xem xét công nhận quyền sử dụng đất thì tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

a) Đối với phần diện tích đất có các công trình chính như đình, đền, miếu, am phục vụ cho việc thờ cúng:

- Nếu có nguồn gốc là đất ở: Tính bồi thường bằng giá đất ở để tính bồi thường có vị trí liền kề quy định tại chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án được duyệt; nếu không có giá đất ở vị trí liền kề thì tính theo giá đất ở tại vị trí của khu vực lân cận gần nhất.

- Nếu có nguồn gốc không phải là đất ở: Tính bồi thường theo giá của loại đất đủ điều kiện xem xét công nhận quyền sử dụng đất.

b) Đối với phần diện tích của các công trình phụ trợ và các công trình có tính cảnh quan gắn liền với kiến trúc chính, trong cùng khuôn viên: Tính bồi thường theo giá của loại đất đủ điều kiện xem xét công nhận quyền sử dụng đất.

c) Đối với phần diện tích đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, sản xuất lâm nghiệp, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, làm cơ sở hoạt động từ thiện: Tính bồi thường, hỗ trợ theo pháp lý và loại đất như của hộ gia đình, cá nhân.

4. Đất do cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng dân gian đang sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng, được tặng, cho, hiến, cúng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau hoặc không đủ điều kiện được xem xét công nhận quyền sử dụng đất thì không được bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ theo pháp lý và loại đất trước khi chuyển nhượng, tặng, cho, hiến, cúng.

5. Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất theo các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được chi trả trực tiếp nếu là cơ sở tôn giáo hoặc chi trả cho tổ chức đại diện hợp pháp sau khi đã lấy ý kiến đồng thuận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận - huyện nếu là cơ sở tín ngưỡng dân gian.

**Điều 11. Hỗ trợ đối với trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất**

Đối với những trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, lý do không đủ điều kiện, thời điểm đất đó được đưa vào sử dụng để xem xét hỗ trợ theo quy định sau:

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật đất đai nhưng không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 7 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì tính hỗ trợ như sau:

a) Đối với đất ở:

- Trường hợp sử dụng đất quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ về đất bằng 100% đơn giá đất ở để tính bồi thường, diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố; phần diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) được hỗ trợ bằng 100% đơn giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

- Trường hợp sử dụng đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ về đất bằng 100% đơn giá đất ở để tính bồi thường nhưng phải trừ nghĩa vụ tài chính theo mức thu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, diện tích hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định; phần diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) được hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

b) Đối với đất có công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp:

Trường hợp sử dụng đất quy định tại Điểm b Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ về đất bằng 100% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án nhưng phải tính trừ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

c) Đối với đất sử dụng ổn định thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004:

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại

Điểm a, b Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ về đất bằng 100% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách được phê duyệt đối với phần diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá 30.000m<sup>2</sup>/hộ. Đối với phần diện tích vượt hạn mức chỉ được tính hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại được xác định theo như quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT và Điều 7 Quy định này.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp thì cũng được giải quyết hỗ trợ về đất nông nghiệp (loại đất nông nghiệp trước khi chuyển đổi mục đích sử dụng) với mức bằng 100% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án nhưng không vượt quá 30.000m<sup>2</sup>/hộ. Đối với phần diện tích vượt hạn mức chỉ được tính hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại được xác định theo như quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT và Điều 7 Quy định này.

d) Trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất có những loại giấy tờ quy định tại Khoản 54 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thì được hỗ trợ theo quy định Điểm a, b, c Khoản này.

2. Hỗ trợ về đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất lấn, chiếm:

a) Đối với đất ở:

- Nếu sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: Hỗ trợ bằng 40% đơn giá đất ở để tính bồi thường với diện tích hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố; phần diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) được hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ đất nông nghiệp quy định tại Điểm c Khoản này.

- Nếu sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004: Hỗ trợ về đất bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường với diện tích hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố; phần diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) được hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ đất nông nghiệp quy định tại Điểm c Khoản này.

b) Đối với đất sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân: Hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ đất nông nghiệp quy định tại Điểm c Khoản này.

c) Đối với đất nông nghiệp:

- Nếu sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: Hỗ trợ bằng 100% giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định; diện tích đất để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không vượt quá 30.000m<sup>2</sup>/hộ; phần diện tích đất còn lại (nếu có) không tính hỗ trợ.

- Nếu sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004: Hỗ trợ bằng 80% giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định; diện tích đất để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá 30.000m<sup>2</sup>/hộ; phần diện tích đất còn lại (nếu có) không tính hỗ trợ.

d) Các trường hợp lấn, chiếm đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau: Không tính bồi thường, hỗ trợ về đất.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ về đất bằng 100% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt của dự án; diện tích đất để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không vượt quá 30.000m<sup>2</sup>/hộ. Đối với phần diện tích vượt hạn mức chỉ được tính hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai năm 2013, Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT và Điều 7 Quy định này.

4. Trường hợp đất có nguồn gốc là sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng đã lấn, chiếm và tự chuyển mục đích sử dụng đất thì xử lý như sau:

a) Trường hợp có nguồn gốc là rạch nhánh, len lỏi trong các khu dân cư, không thuộc danh mục quản lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và việc san lấp không làm ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước của khu vực thì tính hỗ trợ theo diện chiếm dụng đất ở, đất nông nghiệp theo thời điểm sử dụng đất theo quy định tại Điểm a và c Khoản 2 Điều này.

b) Các trường hợp khác:

- Nếu giải tỏa toàn bộ: Tính hỗ trợ với mức bằng 80% mức hỗ trợ theo Quy định tại Điểm a Khoản này.

- Nếu giải tỏa một phần: Tính hỗ trợ với mức bằng 50% mức hỗ trợ theo Quy định tại Điểm a Khoản này.

5. Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thì được tính bồi thường, hỗ trợ theo

pháp lý sử dụng đất và loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng nhưng không thấp hơn mức hỗ trợ của trường hợp lần, chiếm có cùng hiện trạng sử dụng.

6. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng nhà, đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu quy định tại Điều 34 Quy định này hoặc bị giải tỏa nhiều lần, có hoàn cảnh khó khăn, không đủ điều kiện để tạo lập nơi ở mới thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, đề xuất biện pháp hỗ trợ cụ thể trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

7. Xử lý đối với phần diện tích đất trong lộ giới; hành lang bảo vệ đê điều, sông, rạch và các công trình công cộng

a) Đối với phần diện tích đất nêu trên, nếu trước đây khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được Nhà nước công nhận nhưng người sử dụng đất vẫn đang sử dụng phần diện tích đất này, thì khi Nhà nước thu hồi sẽ được tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

- Nếu theo quy định hiện hành mà diện tích đất đó được công nhận vào mục đích sử dụng nào thì sẽ được xét bồi thường, hỗ trợ theo mục đích sử dụng tương ứng.

- Nếu đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý thì không tính bồi thường mà được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này.

b) Trường hợp nhà, đất thuộc hành lang bảo vệ đê điều, sông, rạch và các công trình công cộng mà trước đây thuộc sở hữu Nhà nước không bán hóa giá hoặc xét công nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở thì không xét bồi thường, hỗ trợ.

c) Trường hợp nhà, đất thuộc lộ giới mà trước đây thuộc sở hữu Nhà nước không bán hóa giá hoặc xét công nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở thì tính hỗ trợ theo Điểm b Khoản 3 Điều 26 Quy định này.

**Điều 12. Bồi thường, hỗ trợ trong trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ (Thực hiện theo Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

1. Đối với các công trình điện:

a) Diện tích đất ở và các loại đất khác trong cùng thửa với đất ở có đủ điều kiện được bồi thường thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất mà không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng bị hạn chế khả năng sử dụng, thì chủ sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ (một lần) về đất như sau:

- Đối với khoảng trụ mà nhà, công trình chỉ được phép xây dựng cao đến 11m: Tính bồi thường, hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường về đất cùng loại.

- Đối với khoảng trụ mà nhà, công trình chỉ được phép xây dựng cao đến 12m: Tính bồi thường, hỗ trợ bằng 70% đơn giá bồi thường về đất cùng loại.

b) Đối với các trường hợp đất ở và các loại đất khác trong cùng thửa với đất ở không đủ điều kiện được bồi thường thì được xem xét hỗ trợ bằng 30% so với trường hợp đủ điều kiện.

c) Đối với đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản thì chủ sử dụng đất được hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường, hỗ trợ của trường hợp thu hồi đất có cùng loại đất, pháp lý sử dụng đất theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt của dự án.

2. Đối với các công trình khác: Ủy ban nhân dân thành phố sẽ có quy định riêng sau khi có ý kiến hướng dẫn của các Bộ - ngành có liên quan.

**Điều 13. Xử lý một số trường hợp đặc biệt có diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ quyền sử dụng đất** (Thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì không được bồi thường về đất nhưng được xét hỗ trợ theo thời điểm sử dụng đất theo Khoản 2 Điều 11 Quy định này.

2. Trường hợp diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do sạt lở, việc sạt lở được Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn xác nhận là bởi các yếu tố tự nhiên gây ra và xảy ra sau thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm được duyệt thì phần diện tích chênh lệch giữa diện tích đo đạc thực tế và diện tích ghi trên giấy tờ được tính hỗ trợ. Mức hỗ trợ bằng 100% đơn giá đất để tính bồi thường tương ứng với mục đích sử dụng của đất bị thu hồi quy định trong chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án được duyệt.

**Điều 14. Bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất** (Thực hiện theo Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

Việc phân chia tiền bồi thường về đất cho các đối tượng đồng quyền sử dụng đất không thể phân chia hoặc chưa phân chia do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự thỏa thuận.

Trường hợp không thỏa thuận được thì các bên tự giải quyết theo quy định của

pháp luật dân sự. Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án có trách nhiệm xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đồng quyền sử dụng và thực hiện theo Điều 42 Quy định này.

**Điều 15. Hỗ trợ cho các tổ chức sử dụng đất trong phạm vi lộ giới đã công bố nay có Quyết định thu hồi để thực hiện dự án**

1. Tổ chức sử dụng đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng hợp pháp, hợp lệ bằng tiền không có nguồn gốc từ Ngân sách Nhà nước, đất nằm trong lộ giới, không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (tại thời điểm nhận chuyển nhượng) thì được hỗ trợ theo loại đất, pháp lý sử dụng đất khi nhận chuyển nhượng và đơn giá bồi thường, hỗ trợ quy định trong chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt của dự án.

2. Việc hỗ trợ trên chỉ áp dụng đối với tổ chức sử dụng đất có đủ các điều kiện sau:

a) Trong quyết định thu hồi, giao (cho thuê) đất cho tổ chức sử dụng đất không quy định cụ thể việc bàn giao phần diện tích này cho Nhà nước;

b) Không có cam kết bàn giao lại không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ phần đất trong lộ giới cho Nhà nước khi thực hiện quy hoạch;

c) Không đưa giá trị nhận chuyển nhượng phần diện tích này hoặc diện tích này vào để được tính khấu trừ khi thực hiện nghĩa vụ tài chính;

d) Không hạch toán vào chi phí đầu tư dự án giá trị nhận chuyển nhượng phần diện tích này.

3. Trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân quận - huyện báo cáo, đề xuất biện pháp hỗ trợ cụ thể trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc hỗ trợ.

**Điều 16. Về bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất còn lại ngoài ranh thu hồi của dự án có diện tích nhỏ**

1. Trường hợp sau khi Nhà nước thu hồi, diện tích đất ở còn lại của người sử dụng đất không đủ điều kiện về diện tích đất ở tối thiểu để cấp giấy phép xây dựng theo quy định hoặc diện tích đất nông nghiệp còn lại nhỏ hơn quy định của thành phố về hạn mức tách thửa không thể tiếp tục sản xuất nông nghiệp hoặc không đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, nếu người bị thu hồi đất có yêu cầu Nhà nước thu hồi phần diện tích đất còn lại thì Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ phần diện tích này theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái



định cư được duyệt của dự án đang triển khai thực hiện, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quỹ đất này theo quy định. Chi phí bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích này được tính trong kinh phí bồi thường của dự án.

2. Sau khi hoàn tất công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất của dự án, Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo toàn bộ quỹ đất dôi dư này cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố để tiếp quản, đề xuất hướng xử lý theo quy định.

### **Chương III** **BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ TÀI SẢN**

**Điều 17. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản khi Nhà nước thu hồi đất** (*Thực hiện theo Điều 88, 89 Luật Đất đai năm 2013*)

Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường.

**Điều 18. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất** (*Thực hiện theo Điều 92 Luật Đất đai năm 2013*)

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các Điểm a, b, d, đ, e, i Khoản 1 Điều 64 và các Điểm b, d Khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai năm 2013.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau Thông báo thu hồi đất.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.

**Điều 19. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất** (*Thực hiện theo Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP*)

1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành. Trường hợp phần còn lại của nhà ở, công trình vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì bồi thường theo thiệt hại thực tế.

- Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt phải phá dỡ một phần, ranh giải tỏa ở giữa hai cột chịu lực thì được tính bồi thường, hỗ trợ phần vật kiến trúc từ ranh giải tỏa vào đến cột chịu lực còn lại gần nhất của công trình kiến trúc phải phá dỡ.

- Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có thể tháo rời và di chuyển đến chỗ mới để lắp đặt lại thì chỉ bồi thường các chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và chi phí hao hụt trong quá trình tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.

- Diện tích nhà, công trình phục vụ sinh hoạt để tính bồi thường, hỗ trợ là phần cấu trúc chính của căn nhà, công trình, không tính phần diện tích coi nói bằng vật liệu tạm.

- Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có giấy phép xây dựng nhưng xây dựng không đúng nội dung trong giấy phép thì:

+ Phần diện tích xây dựng đúng giấy phép xây dựng được bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

+ Phần diện tích xây dựng sai giấy phép: Hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Quy định này.

- Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt bị phá dỡ một phần nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì ngoài chi phí bồi thường còn được hỗ trợ thêm chi phí để sửa chữa, hoàn thiện với mức bằng 60% suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành (theo đơn giá áp dụng cho công trình bị phá dỡ) nhân (x) với diện tích mặt đứng tại ranh giải tỏa của công trình.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, khi Nhà nước thu hồi đất mà bị tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì được bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

3. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thì mức bồi thường tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

**Điều 20. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của các hộ gia đình, cá nhân**

1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ: Tính bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

2. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ:

a) Trường hợp xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất ở và tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố hoặc phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố; không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được cấm mốc: Tính bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

b) Trường hợp xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố hoặc xây dựng phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố, không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được cấm mốc:

- Nếu xây dựng trên đất được hỗ trợ về đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 11 Quy định này: Hỗ trợ bằng 80% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

- Nếu xây dựng trên đất được hỗ trợ về đất theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Quy định này, xây dựng trên đất nông nghiệp hoặc xây dựng trên kênh, sông, rạch (kể cả xây dựng một phần trên đất, một phần trên rạch) thì tính hỗ trợ theo thời điểm xây dựng như sau:

+ Xây dựng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: Hỗ trợ bằng 70% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

+ Xây dựng trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004: Hỗ trợ bằng 50% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

+ Xây dựng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2006: Hỗ trợ bằng 30% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

c) Trường hợp xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 nhưng tại thời điểm xây dựng đã vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố hoặc vi phạm

hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được cấm mốc thì tính hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường, hỗ trợ của trường hợp không vi phạm tương ứng tại Điểm a, b Khoản này.

d) Trường hợp xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau: Không được bồi thường, không được hỗ trợ; người có công trình xây dựng trái phép phải tự tháo dỡ hoặc phải chịu chi phí khi cơ quan chức năng của Nhà nước thực hiện phá dỡ.

### 3. Đối với nhà ở, công trình cấp phép tạm:

a) Nhà ở, công trình khác của hộ gia đình, cá nhân xây dựng được cấp phép xây dựng tạm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về giấy phép xây dựng tạm và Chủ đầu tư phải cam kết và thực hiện tháo dỡ không điều kiện nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước triển khai thực hiện quy hoạch, có thời hạn trong kỳ quy hoạch, nhưng khi chưa hết thời hạn quy hoạch mà thu hồi đất để thực hiện Dự án thì được hỗ trợ theo quy định sau:

- Đối với nhà được cấp giấy phép xây dựng tạm trên nền đất cũ (như hiện trạng cũ) hoặc đất có mục đích sử dụng là đất ở (đã được công nhận trước đó) thì hỗ trợ bằng 80% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

- Trường hợp, trong giấy phép xây dựng hoặc quy hoạch sử dụng đất không có thời hạn thực hiện quy hoạch thì được hỗ trợ bằng 80% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

- Đối với nhà được cấp giấy phép xây dựng tạm trên các loại đất khác thì hỗ trợ bằng 60% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

b) Trường hợp xây dựng tạm theo Điều 2, 3 của Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì xử lý về hỗ trợ đối với nhà ở và công trình xây dựng theo quy định của Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND.

c) Trường hợp xây dựng có thời hạn theo Điều 2 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì xử lý về hỗ trợ đối với nhà ở và công trình xây dựng theo quy định của

Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND.

d) Trường hợp xây dựng có thời hạn theo Điều 2, 3 của Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì xử lý về hỗ trợ đối với nhà ở và công trình xây dựng theo quy định của Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND.

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thương mại, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp được hỗ trợ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 11 Quy định này mà có nhà xưởng, công trình, vật kiến trúc phục vụ cho mục đích kinh doanh thì bồi thường, hỗ trợ nhà xưởng theo quy định tại Điều 21 Quy định này.

5. Nhà ở, công trình xây dựng khác theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này sau khi kiểm đếm và xác nhận diện tích, hiện trạng sử dụng hoặc đã chi trả tiền thì chủ sử dụng tự tháo dỡ, bàn giao mặt bằng trống và được sử dụng toàn bộ vật liệu bị phá dỡ. Trường hợp chủ sử dụng không tự tổ chức tháo dỡ, bàn giao mặt bằng trống thì Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án tổ chức tháo dỡ theo quy định và thu hồi vật liệu bị phá dỡ (nếu có) để thanh lý thu tiền nộp vào Ngân sách Nhà nước.

6. Đối với nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác sau khi đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định thì chủ sử dụng tự tháo dỡ, bàn giao mặt bằng trống và được sử dụng toàn bộ vật liệu bị phá dỡ. Trường hợp chủ sử dụng không tự tổ chức tháo dỡ, bàn giao mặt bằng trống thì Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án tổ chức tháo dỡ theo quy định và thu hồi vật liệu bị phá dỡ (nếu có) để xử lý bán nộp ngân sách.

Riêng đối với nhà chung cư, nhà tập thể nhiều hộ, nhiều tầng thì sau khi đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định; giao Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án tổ chức tháo dỡ theo quy định và thu hồi vật liệu bị phá dỡ (nếu có) để xử lý bán nộp ngân sách đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

### **Điều 21. Bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình và vật kiến trúc của các cơ quan, đơn vị Nhà nước và tổ chức khác đang sử dụng**

1. Nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác của các tổ chức xây dựng hợp pháp hoặc có giấy tờ hợp lệ:

a) Trường hợp nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác khi bị thu hồi có thể tháo dỡ và di chuyển lắp đặt lại thì bồi thường 100% chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp

đặt và chi phí hao hụt trong quá trình tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt do Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án xác định trên cơ sở dự toán được lập theo quy định do tổ chức bị ảnh hưởng đề nghị; nếu tổ chức bị ảnh hưởng không đề nghị thì Hội đồng Bồi thường bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập.

b) Trường hợp nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác khi bị thu hồi không thể tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt lại thì tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

- Trường hợp di dời toàn bộ thì tính bồi thường như sau:

$$Tbt = CLCL \times Sxd \times Gxd$$

Tbt: Tiền bồi thường.

CLCL: Chất lượng còn lại của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc bị thu hồi được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%). Trường hợp chất lượng còn lại thấp hơn 60% thì được hỗ trợ thêm để tổng mức bồi thường, hỗ trợ bằng 60% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình đang sử dụng.

Sxd: Diện tích sàn xây dựng của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc bị thu hồi không thể tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt lại.

Gxd: đơn giá xây dựng mới theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

- Nhà, xưởng, công trình chỉ phá dỡ một phần, mà phần còn lại không còn sử dụng được thì tính bồi thường cho toàn bộ nhà, xưởng, công trình; nhà, xưởng, công trình chỉ phá dỡ một phần nhưng còn sử dụng lại được thì tính bồi thường phần giá trị nhà, xưởng, công trình bị phá dỡ theo quy định nêu trên và được hỗ trợ thêm chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, xưởng, công trình trước khi bị tháo dỡ. Mức chi phí hỗ trợ thêm này do Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án xác định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định, nhưng tổng mức bồi thường và hỗ trợ thêm không quá 100% giá trị xây dựng mới của phần nhà, xưởng, công trình bị phá dỡ.

c) Đối với nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác của doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa thì được tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

- Trường hợp có thể di dời được thì tính bồi thường theo quy định tại Điểm a Khoản này.

- Trường hợp không thể di dời được thì tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

+ Nếu mức thiệt hại thực tế của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc được tính bồi thường theo quy định tại Điểm b Khoản này nhỏ hơn giá trị tài sản đã đưa vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa thì tính bồi thường theo giá trị tài sản đã đưa vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

+ Nếu mức thiệt hại thực tế của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc được tính bồi thường theo quy định tại Điểm b Khoản này lớn hơn giá trị tài sản đã đưa vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa thì tính bồi thường theo Điểm b Khoản này.

2. Nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác của các tổ chức xây dựng không có giấy tờ hợp lệ:

a) Trường hợp khi xây dựng phù hợp quy hoạch chi tiết (nếu tại thời điểm xây dựng mà chưa có quy hoạch chi tiết thì căn cứ quy hoạch chung), kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật và xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004:

- Nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác khi bị thu hồi có thể tháo dỡ và di chuyển lắp đặt lại thì hỗ trợ bằng 80% chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và hao hụt trong quá trình tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt do Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án xác định trên cơ sở dự toán được lập theo quy định do tổ chức bị ảnh hưởng đề nghị.

- Nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác khi bị thu hồi không thể tháo dỡ và di chuyển lắp đặt lại thì tính hỗ trợ bằng 80% của mức bồi thường, hỗ trợ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp khi xây dựng vi phạm quy hoạch chi tiết (nếu tại thời điểm xây dựng mà chưa có quy hoạch chi tiết thì căn cứ quy hoạch chung), kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật và xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004:

- Nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác khi bị thu hồi có thể tháo dỡ và di chuyển lắp đặt lại thì hỗ trợ bằng 60% chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và hao hụt trong quá trình tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt do Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án xác định trên cơ sở dự toán được lập theo quy định do tổ chức bị ảnh hưởng đề nghị.

- Nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác khi bị thu hồi không thể tháo dỡ và di chuyển lắp đặt lại thì tính hỗ trợ bằng 40% của mức bồi thường, hỗ trợ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác khi xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông báo không được phép xây dựng hoặc xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau thì không được bồi thường, không được hỗ trợ, tổ chức có công trình xây dựng trái phép đó buộc phải tự tháo dỡ và tự chịu chi phí phá dỡ trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền thực hiện phá dỡ.

3. Căn cứ các quy định tại Khoản 1, 2 Điều này, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ khi di dời như sau:

a) Đối với các loại tài sản có trong suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành để tính bồi thường, hỗ trợ: Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án tổ chức kiểm kê, điều tra hiện trạng, tính chất pháp lý, xác định khối lượng tài sản bị thiệt hại hoặc phải di dời và chi phí bồi thường, hỗ trợ về tài sản theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo quy định.

b) Đối với các loại tài sản mang tính chất chuyên ngành không có trong suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành: Giao Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện.

4. Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án chịu trách nhiệm xác định giá trị vật tư thu hồi đối với nhà, xưởng, vật kiến trúc khác và khấu trừ ngay trong hồ sơ dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức bị di dời; tổ chức bị di dời được sử dụng lại toàn bộ vật tư, thiết bị sau khi đã khấu trừ giá trị thu hồi vào dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ; trường hợp tổ chức bị di dời từ chối, không yêu cầu sử dụng lại toàn bộ vật tư thu hồi thì không khấu trừ, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án chịu trách nhiệm tổ chức thu hồi vật tư và thanh lý nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

5. Trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, trường học, trạm y tế thuộc sở hữu Nhà nước:

a) Trường hợp chỉ bị thu hồi một phần diện tích đất và phá dỡ một phần công trình kiến trúc, giao Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án lập dự toán chi phí phá dỡ và xây dựng lại mới tương ứng với hiện trạng kết cấu xây dựng cũ hoặc chi trả bằng tiền để tổ chức bị ảnh hưởng tự xây dựng lại tương ứng với hiện trạng kết cấu xây dựng cũ bị phá dỡ.

Trường hợp chi phí phá dỡ và xây dựng lại mới tương đương với chi phí bồi thường, hỗ trợ theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành thì tính bồi thường, hỗ trợ theo quy định và chi trả bằng tiền để tổ chức bị ảnh hưởng



tự xây dựng lại tương ứng với hiện trạng kết cấu xây dựng cũ bị phá dỡ.

b) Trường hợp phải di dời toàn bộ thì tính bồi thường, hỗ trợ theo quy định và nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính tại Kho bạc Nhà nước thành phố đối với các đơn vị do thành phố quản lý (đối với các đơn vị do Trung ương quản lý thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính); đơn vị lập Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo nơi làm việc mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được sử dụng số tiền bồi thường nhà, công trình xây dựng để thực hiện Dự án đầu tư nhưng không vượt quá số tiền bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình xây dựng theo quy định; số tiền còn lại (nếu có) được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

6. Đối với các công trình văn hóa, di tích lịch sử, nhà thờ, đình, chùa và các cơ sở tôn giáo thuộc Thành phố hoặc Trung ương quản lý phải di dời theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án lập phương án bồi thường, hỗ trợ di dời báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt. Trường hợp có vướng mắc thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

7. Trường hợp cơ quan, đơn vị và tổ chức khác đang sử dụng nhà, công trình có nguồn gốc thuộc sở hữu Nhà nước cho thuê lại thì tự giải quyết chấm dứt Hợp đồng với bên thuê, chỉ xem xét, giải quyết việc hỗ trợ giá trị vật kiến trúc và tài sản khác trên đất (nếu có cơ sở) cho cơ quan, đơn vị và tổ chức khác được Nhà nước cho thuê nhà, công trình.

8. Toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà, xưởng, công trình xây dựng khác được chi trả trực tiếp cho đơn vị (trừ các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này) để đầu tư tại cơ sở mới theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 22. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi** (Thực hiện theo Điều 90 Luật Đất đai năm 2013)

1. Giá trị cây trồng, hoa màu các loại để tính bồi thường theo quy định tại Khoản 1 Điều 90 Luật Đất đai năm 2013 được tính theo Biểu giá cây trồng, hoa màu do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

2. Mức bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 90 Luật Đất đai năm 2013 tối đa không vượt quá 30% tổng giá trị bồi thường đối với vật nuôi.

**Điều 23. Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất**

(Thực hiện theo Điều 91 Luật Đất đai năm 2013; Điều 23 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.

2. Mức bồi thường cụ thể như sau:

a) Đối với nhà, công trình xây dựng dạng lắp ghép của hộ gia đình, cá nhân thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt, chi phí hao hụt trong quá trình tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt bằng 30% đơn giá xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương.

b) Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp khi Nhà nước thu hồi mà phải di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt lại hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất; Chủ đầu tư hoặc tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn lập dự toán chi phí di dời, lắp đặt, xây dựng lại và trình Chủ tịch Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án phê duyệt để làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ; Chi phí thuê tư vấn được tính vào kinh phí phục vụ công tác bồi thường của Dự án (kinh phí 2%).

3. Đối với nhà, công trình xây dựng không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này khi di chuyển khỏi chỗ ở cũ đến chỗ ở mới thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản như sau:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân di chuyển chỗ ở cũ đến chỗ ở mới hoặc phải tháo dỡ toàn bộ nhà ở thì được hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có các loại giấy tờ chứng minh được chuyển đến cư trú tại các tỉnh, thành phố khác thì được hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ.

b) Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ vào tình hình thực tế để quyết định mức hỗ trợ cho phù hợp, nhưng không quá 6.000.000 đồng/căn hộ hoặc phòng cho thuê.

4. Người bị thu hồi đất ở đủ điều kiện bố trí tái định cư hoặc trường hợp giải tỏa một phần nhưng phải tháo dỡ toàn bộ nhà, trong thời gian chờ (bố trí vào khu tái định

cur hoặc xây dựng nhà ở mới) được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở và được hỗ trợ thêm 01 lần chi phí di chuyển khi được bố trí tái định cư.

Thời gian và mức hỗ trợ cụ thể tiền thuê nhà ở thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính.

#### 5. Đối với gia đình chính sách:

Hộ gia đình chính sách có Giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở thì còn được hỗ trợ thêm như sau:

a) Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động: 10.000.000 đồng/hộ;

b) Thương binh, gia đình liệt sĩ (cha mẹ, vợ, chồng, con là liệt sĩ): 8.000.000 đồng/hộ;

c) Gia đình có công với cách mạng, gia đình cách mạng lão thành, gia đình cán bộ hưu trí và các đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên khác: 6.000.000 đồng/hộ;

d) Trường hợp trong một hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách được hưởng như nêu trên thì chỉ tính một mức hỗ trợ của đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

**Điều 24. Bồi thường về di chuyển mồ mả** (Thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ vào quy hoạch tại địa phương để bố trí địa điểm an táng theo quy định. Thân nhân của người có mộ phải di dời (sau đây gọi tắt là thân nhân người có mộ) di chuyển mồ mả về khu đất do Nhà nước bố trí còn được bồi thường, hỗ trợ chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp theo quy định sau:

#### a) Chi phí đào, bốc, di chuyển mồ mả:

- Mộ đất: 5.000.000 đồng/mộ;

- Mộ xây thường, đá ong: 6.000.000 đồng/mộ;

- Mộ xây bán kiên cố: 8.000.000 đồng/mộ;

- Mộ xây kiên cố: 10.000.000 đồng/mộ;

- Mộ cốt cải táng: 4.000.000 đồng/mộ;

- Đối với mộ đặc biệt kiên cố hoặc có kiến trúc phức tạp và trường hợp có xây mộ nhưng chưa sử dụng an táng thì Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự

án đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định mức bồi thường, hỗ trợ di dời hợp lý cho từng trường hợp.

b) Chi phí cải táng: 3.000.000 đồng/thi hài, đối với hài cốt cải táng thì được hỗ trợ với mức bằng 50% của trường hợp cải táng thi hài.

2. Trường hợp không có quỹ đất để an táng hoặc gia đình tự lo đất di chuyển mồ mả thì ngoài phần bồi thường, hỗ trợ các chi phí theo Điểm a, b Khoản 1 Điều này còn được bồi thường, hỗ trợ về đất (theo diện tích thực tế nhưng không vượt quá  $4m^2/mộ$ ) như sau:

a) Đối với phần đất mộ nằm trong khuôn viên nhà ở thì được tính hỗ trợ bằng 60% đơn giá đất ở để tính bồi thường;

b) Đối với mộ chôn trên các loại đất khác thì hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở vị trí liền kề để tính bồi thường;

c) Đối với mộ không được bồi thường, hỗ trợ về đất thì được hỗ trợ 10.000.000 đồng/mộ;

d) Trường hợp mộ được chôn trên đất do hộ gia đình, cá nhân, tổ chức khác đang quản lý thì việc phân chia số tiền bồi thường về đất theo Điểm a, b, c trên do thân nhân người có mộ và hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đang quản lý phần diện tích này tự thỏa thuận.

3. Đối với mộ không xác định được thân nhân thì Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án hợp đồng với cơ sở mai táng tổ chức bốc mộ, cải táng (sau thời hạn đã Thông báo bốc mộ) theo chi phí thực tế và quản lý theo quy định.

4. Đối với đất nghĩa trang, nghĩa địa do hộ gia đình, cá nhân, tổ chức quản lý (không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP), ngoài việc được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này thì phần đất khuôn viên còn lại được Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn xác nhận đã là nghĩa trang, nghĩa địa hiện hữu ổn định trước ngày 01 tháng 7 tháng 2004 thì được xem xét tính bồi thường, hỗ trợ theo pháp lý sử dụng đất và loại đất trước khi làm nghĩa trang, nghĩa địa.

**Điều 25. Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ (Thực hiện theo Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

1. Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình trong hành lang an toàn lưới điện:

Nhà ở, công trình xây dựng khác và các tài sản khác gắn liền với đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn bị thiệt hại do phải giải tỏa thì được bồi thường, hỗ trợ theo Điều 20, 21 của Quy định này.

2. Bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn khi xây dựng đường dây dẫn điện trên không:

Cây trồng có trước khi Thông báo thu hồi đất thực hiện Dự án và trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, nếu phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì được bồi thường theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Quy định này.

Cây trồng có trước khi Thông báo thu hồi đất thực hiện Dự án và trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thuộc loại không phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP hoặc cây ngoài hành lang có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì đơn vị quản lý vận hành có quyền kiểm tra, chặt tỉa cây để đảm bảo an toàn cho đường dây dẫn điện trên không và được hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường đối với cây cùng loại.

### **Điều 26. Bồi thường tài sản khác (công trình hạ tầng kỹ thuật)**

1. Về nguyên tắc bồi thường:

a) Mức chi phí bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của công trình có kết cấu, tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với công trình cần di dời.

- Công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương là công trình có quy mô, kết cấu và tính năng kỹ thuật giống như hiện trạng công trình cần di dời.

- Giá trị xây dựng mới là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng công trình có kết cấu, tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương và được xác định theo giá hiện hành tại thời điểm thẩm định, phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

b) Công trình hoặc các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật có thể tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt lại và tiếp tục sử dụng được thì khi cần di dời - tái lập chỉ tính bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.

Công trình hoặc các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật không thể tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt lại thì có phương án di dời tạm và tái lập lại.

c) Công trình không còn sử dụng được thì không được bồi thường.

## 2. Bố cục, nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:

a) Nêu các cơ sở pháp lý liên quan đến Dự án đầu tư, các hồ sơ liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật phải di dời; tóm tắt quy mô, hiện trạng của công trình. Nêu cụ thể về giá trị đầu tư ban đầu và giá trị đã khấu hao theo sổ sách của công trình phải di dời đến thời điểm thực hiện việc di dời.

b) Xác định tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ theo công thức sau:

Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ = (1) + (2) + (4) - (3); trong đó:

- (1) là chi phí bồi thường công trình hạ tầng kỹ thuật phải di dời có thể hoặc không thể tháo rời, di chuyển, lắp đặt lại theo nguyên tắc bồi thường nêu trên.

- (2) là chi phí di dời tạm nếu có.

- (3) là giá trị vật tư, thiết bị thu hồi theo quy định.

- (4) là chi phí khảo sát và các khoản chi phí khác có liên quan đến việc lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành.

## 3. Về tổ chức thực hiện:

a) Chủ đầu tư Dự án chịu trách nhiệm:

- Khi tiến hành khảo sát lập thiết kế cơ sở và Dự án đầu tư phải thông báo ngay bằng văn bản cho các đơn vị quản lý chuyên ngành hoặc đơn vị sở hữu của các công trình hạ tầng kỹ thuật cần di dời về phạm vi thu hồi đất, hành lang bảo vệ công trình (nếu có) và các hồ sơ liên quan để cùng chuẩn bị kế hoạch, nguồn vốn, phương án để thực hiện di dời;

- Phối hợp, hỗ trợ đơn vị quản lý chuyên ngành hoặc đơn vị sở hữu trong quá trình khảo sát, lập hồ sơ bồi thường và tổ chức thực hiện;

- Kiểm tra xác nhận khối lượng di dời của các công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi quy hoạch xây dựng Dự án chính;

- Xem xét, trình Sở quản lý chuyên ngành xét duyệt dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ do đơn vị quản lý chuyên ngành lập theo đúng quy định tại Khoản 1, 2 Điều này;

- Hợp đồng và tổ chức chi trả (một lần) tiền bồi thường, hỗ trợ cho đơn vị quản lý chuyên ngành hoặc đơn vị sở hữu công trình phải di dời theo phương án bồi thường, hỗ trợ di dời (không có dự phòng phí) được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

b) Đơn vị quản lý chuyên ngành hoặc đơn vị sở hữu của công trình hạ tầng kỹ thuật cần di dời có trách nhiệm:

- Lập phương án bồi thường, hỗ trợ di dời và tổ chức thực hiện việc di dời đối với công trình theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định;
- Cung cấp toàn bộ hồ sơ có liên quan cho chủ đầu tư Dự án chính;
- Đầu tư xây dựng lại công trình mới theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng;
- Chịu trách nhiệm về khối lượng công trình phải di dời;
- Được sử dụng lại toàn bộ vật tư, thiết bị thu hồi sau khi đã khấu trừ giá trị thu hồi vào dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ (nếu có);
- Lập thủ tục ghi tăng, giảm tài sản đối với công trình đã di dời - tái lập và báo cáo với đơn vị chủ quản theo quy định.

c) Trách nhiệm của các Sở quản lý chuyên ngành kỹ thuật:

- Xác định công trình hoặc hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật được bồi thường, hỗ trợ khi phải di dời; công trình hoặc hạng mục công trình chỉ được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt; công trình hoặc hạng mục công trình không được bồi thường, hỗ trợ khi phải di dời theo quy định;
- Xây dựng, hướng dẫn cho các đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật về quy trình thực hiện và phương pháp lập dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định chuyên ngành;
- Xác định giá trị vật tư, thiết bị thu hồi theo quy định và khấu trừ ngay trong hồ sơ dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ cho đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật phải di dời;
- Phê duyệt dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ công trình hoặc hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật do chủ đầu tư trình trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Quyết định phê duyệt dự toán của các Sở quản lý chuyên ngành kỹ thuật là cơ sở để cấp phát, thanh quyết toán (khoán gọn) kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật.

d) Giao các Sở quản lý chuyên ngành hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ di dời và lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý các Dự án đầu tư, cụ thể:

- Sở Giao thông vận tải: thẩm định và phê duyệt đối với công trình giao thông và công trình cấp, thoát nước, chiếu sáng đô thị, cây xanh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: thẩm định và phê duyệt đối với công trình thủy lợi, đê điều, nông - lâm - ngư - nghiệp;
- Sở Công Thương: thẩm định và phê duyệt đối với công trình điện;
- Sở Tài nguyên và Môi trường: thẩm định và phê duyệt đối với công trình xử lý nước thải, xử lý chất thải (bãi chừa, bãi chôn lấp rác);
- Sở Thông tin và Truyền thông: thẩm định và phê duyệt đối với công trình công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình.

4. Đối với các hạng mục di dời lưới điện (bao gồm đường dây và trạm biến áp) của các cá nhân, doanh nghiệp ngoài ngành điện; các hạng mục di dời, nâng cao lưới điện cao thế, chủ đầu tư của các Dự án chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo hình thức di dời - tái lập sau đó bàn giao lưới điện cho các cá nhân, doanh nghiệp hoặc đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cao thế, trừ trường hợp chủ sở hữu (hoặc đơn vị quản lý chuyên ngành) lưới điện đề nghị thực hiện theo hình thức bồi thường hiện trạng lưới điện bằng giá trị xây dựng mới.

Đối với hạng mục di dời lưới điện (bao gồm đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp) của ngành điện, chủ đầu tư các Dự án chính ưu tiên thực hiện theo hình thức di dời - tái lập, trừ trường hợp có thỏa thuận giữa chủ đầu tư Dự án chính và ngành điện thống nhất thực hiện theo hình thức bồi thường hiện trạng lưới điện bằng giá trị xây dựng mới. Trường hợp thực hiện theo hình thức di dời - tái lập thì sau khi tổ chức thực hiện di dời - tái lập lưới điện, chủ đầu tư của các Dự án chính có trách nhiệm bàn giao cho ngành điện và yêu cầu ngành điện trích khấu hao hoàn trả Ngân sách thành phố phần giá trị chênh lệch (nếu có) giữa lưới điện di dời - tái lập và lưới điện hiện trạng theo quy định.

Đối với các hạng mục khác bao gồm hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cầu, đường, cấp thoát nước, cây xanh, chiếu sáng công cộng, cho phép Chủ đầu tư dự án chính tổ chức xây dựng mới thay thế nhằm đồng bộ với dự án đầu tư.

Nếu lựa chọn theo hình thức di dời - tái lập thì chủ đầu tư trình các Sở quản lý chuyên ngành quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình.

5. Chi phí thẩm định hồ sơ bồi thường: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài



chính.

6. Trường hợp có hệ thống điện thoại, đồng hồ nước, đồng hồ điện, cáp truyền hình, Internet (thuê bao), giếng nước được bồi thường như sau:

a) Điện thoại (thuê bao): bồi thường theo mức giá lắp đặt mới do đơn vị cung cấp dịch vụ Thông báo hoặc chi phí di dời do đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện.

b) Các loại điện kế chính một (01) pha và ba (03) pha: bồi thường theo Bảng chiết tính của các Điện lực khu vực.

Điện kế phụ (tự câu lại): chủ sử dụng tự thu hồi, không tính bồi thường, không tính hỗ trợ.

c) Đồng hồ nước (thuê bao): bồi thường theo mức giá lắp đặt mới hoặc chi phí di dời do đơn vị quản lý cấp nước thực hiện.

Đồng hồ nước phụ (tự câu lại): chủ sử dụng tự thu hồi, không tính bồi thường, không tính hỗ trợ.

d) Cáp truyền hình, Internet: bồi thường theo mức giá lắp đặt mới hoặc chi phí di dời do cơ quan cung cấp dịch vụ thực hiện.

đ) Giếng nước khoan, giếng nước đào thủ công: bồi thường theo chi phí thực tế tại địa phương.

(Mức giá cụ thể từng thời điểm do Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án xác định theo mức giá do cơ quan đơn vị quản lý chuyên ngành cung cấp).

#### **Chương IV**

### **BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI**

### **NHÀ Ở THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

**Điều 27. Trường hợp di dời, giải tỏa nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, nhà do cơ quan, tổ chức bố trí để ở sai công năng, không đúng thẩm quyền (Thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Trước khi thực hiện việc thu hồi đất đối với đơn vị quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước để thực hiện Dự án, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà hoặc đơn vị bố trí nhà ban hành Thông báo hoặc Quyết định về chấm dứt việc cho thuê, bố trí nhà; người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước được bồi thường, hỗ trợ theo quy định sau:

1. Việc bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước bị thu hồi thực hiện theo quy định như sau:

a) Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp bằng 100% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

b) Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước bị phá dỡ được thuê nhà ở tại nơi tái định cư; giá thuê nhà là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của Chính phủ về bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê, với giá bán áp dụng như giá bán nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước đối với phần diện tích ghi trong Hợp đồng thuê nhà ở cũ, đối với phần diện tích tăng thêm thì áp dụng giá bán bảo đảm thu hồi vốn đầu tư xây dựng. Trường hợp đặc biệt không có nhà tái định cư để bố trí hoặc có nhà tái định cư để bố trí nhưng người dân có nhu cầu tự lo tái định cư thì Ủy ban nhân dân quận - huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết từng trường hợp cụ thể theo thẩm quyền quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

c) Diện tích đất để tính bồi thường, hỗ trợ:

- Trường hợp trong giấy tờ hợp pháp, hợp lệ ghi rõ diện tích thì tính hỗ trợ theo diện tích ghi trong giấy tờ nhưng không quá hạn mức giao đất ở theo quy định; phần diện tích vượt hạn mức cũng được hỗ trợ như phần diện tích trong hạn mức, nhưng phải trừ đi tiền sử dụng đất theo quy tại Điểm c Khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP;

- Trường hợp trong giấy tờ hợp pháp, hợp lệ không ghi rõ diện tích hoặc diện tích thực tế sử dụng khác với diện tích ghi trên giấy tờ thì cơ quan, đơn vị quản lý căn nhà phải xác nhận lại diện tích cụ thể để làm cơ sở tính hỗ trợ, nhưng không quá hạn mức giao đất ở theo quy định; phần diện tích vượt hạn mức (nếu có) không tính hỗ trợ;

- Đối với phần diện tích có nguồn gốc lấn, chiếm, căn cứ vào hiện trạng, thời điểm sử dụng đất để xem xét hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy định này.

d) Trường hợp nhà thuộc sở hữu Nhà nước bị thu hồi một phần diện tích nhà ở,

đất ở có giấy tờ hợp lệ thì được tính hỗ trợ về nhà, đất như trường hợp bị thu hồi toàn bộ theo quy định tại Điều này.

Trường hợp nhà thuộc sở hữu nhà nước bị thu hồi một phần diện tích nhà ở, đất ở nhưng phần diện tích bị thu hồi chỉ được thuê tạm, không cho thuê hoặc không có giấy tờ hợp lệ thì người đang sử dụng không được hỗ trợ phần diện tích đất bị thu hồi. Riêng phần diện tích xây dựng nhà bị phá dỡ, cơ quan quản lý căn nhà lập dự toán, xây dựng lại mặt tiền nhà hoặc hông nhà, phía sau nhà... theo kết cấu phần hiện trạng bị phá dỡ.

2. Đối với trường hợp nhà do các cơ quan, đơn vị bố trí để ở sai công năng, không đúng thẩm quyền:

Căn cứ vào Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

a) Đối với nhà ở đã bố trí sử dụng để ở từ trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 (kể cả trường hợp nhà ở này đã được cải tạo, xây dựng lại bằng nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước và các hộ đang thuê được tiếp tục bố trí thuê sau ngày 19 tháng 01 năm 2007) hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng để ở trước ngày 27 tháng 11 năm 1992, không đảm bảo các điều kiện để chuyển giao cho Ủy ban nhân dân thành phố quản lý hoặc đảm bảo các điều kiện chuyển giao cho Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhưng chưa được chuyển giao thì được tính hỗ trợ như sau:

- Diện tích đất để tính hỗ trợ là diện tích được ghi trong quyết định tạm cấp, tạm giao hay giấy cấp nhà, hợp đồng thuê nhà. Trường hợp quyết định tạm cấp, tạm giao, giấy cấp nhà, hợp đồng thuê nhà không ghi rõ diện tích khi bố trí sử dụng thì diện tích đất để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá 80m<sup>2</sup>/hộ (không hỗ trợ diện tích có nguồn gốc, lấn, chiếm), phần diện tích còn lại (nếu có) không xét hỗ trợ.

- Mức hỗ trợ bằng 60% giá trị đất và 60% giá trị nhà.

b) Đối với nhà ở đã bố trí sử dụng để ở từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 trở về sau hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí để ở từ ngày 27 tháng 11 năm 1992 trở về sau không được bồi thường, hỗ trợ về nhà và đất. Trường hợp hộ dân có nhu cầu về chỗ ở thì được giải quyết cho thuê hoặc mua (trả tiền 01 lần) 01 căn hộ chung cư.

c) Đối với nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng để ở

trước ngày 27 tháng 11 năm 1992, đảm bảo các điều kiện chuyển giao cho Ủy ban nhân dân thành phố quản lý và đã được chuyển giao thì tính bồi thường, hỗ trợ như nhà thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Đối với nhà, đất thuộc sở hữu tư nhân do Nhà nước bán hóa giá:

a) Phần diện tích nằm ngoài lộ giới: tính bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

b) Phần diện tích nằm trong lộ giới:

- Trường hợp trước đây Nhà nước không bán, không hóa giá:

+ Nếu đang ký hợp đồng thuê và có nộp tiền thuê theo quy định: Tính hỗ trợ bằng 60% giá trị nhà, đất.

+ Nếu không ký hợp đồng thuê: Tính hỗ trợ bằng 60% giá trị nhà, đất nhưng phải khấu trừ tiền thuê nhà qua các thời kỳ theo đơn giá quy định.

- Trường hợp trước đây Nhà nước đã bán hóa giá theo cơ chế bảo toàn vốn bằng vàng: Tính hỗ trợ bằng 100% giá trị nhà, đất.

c) Trường hợp nhà bị giải tỏa có diện tích hiện tại chênh lệch lớn hơn so với diện tích khi mua hóa giá trước đây do sai sót đo đạc không chính xác, không xác định phần diện tích đất, ranh đất trên chủ quyền thì Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ nguồn gốc, quá trình sử dụng, tạo lập phần diện tích nhà ở, đất ở chênh lệch này để tính bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

## **Chương V** **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

**Điều 28. Hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu và hỗ trợ tự lo chỗ ở mới** (*Thực hiện theo Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP*)

Hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu và hỗ trợ tự lo chỗ ở mới được áp dụng cho các trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện tái định cư theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Quy định này và thực hiện như sau:

1. Trường hợp đồng ý nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu quy định tại Điều 34 Quy định này thì được hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất.

2. Trường hợp tự nguyện không nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà tự lo chỗ ở mới

thì được hỗ trợ tự lo chỗ ở mới bằng tiền với mức bằng 5% giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất; trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (không bao gồm phần hỗ trợ tự lo chỗ ở mới) nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được lựa chọn nhận khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất hoặc nhận hỗ trợ tự lo chỗ ở mới.

**Điều 29. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất**  
(Thực hiện theo Khoản 7 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được tính bằng tiền là 500.000 đồng/một nhân khẩu/tháng.

2. Thời gian trợ cấp ngừng việc để tính hỗ trợ theo Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP sẽ do Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định tùy vào tình hình thực tế nhưng không quá 06 tháng. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất thông qua người sử dụng lao động để chi tiền hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc cho người lao động.

**Điều 30. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp** (Thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được áp dụng cho các hộ giải tỏa toàn bộ cũng như giải tỏa một phần.

2. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sẽ do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân quận - huyện và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường khi trình duyệt giá đất nông nghiệp để tính bồi thường.

**Điều 31. Hỗ trợ chi phí di chuyển cho các trường hợp sử dụng nhà ở, đất ở không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ**

1. Đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng nhà ở, đất ở không đủ điều kiện được bồi thường (kể cả trường hợp người đang có Hợp đồng thuê nhà không thuộc sở hữu Nhà nước), bị thu hồi và phải di dời, chỉ được xem xét hỗ trợ chi phí di chuyển quy

định tại Điều 23 Quy định này.

2. Đối với tổ chức: Trường hợp sử dụng đất không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất và phải di dời toàn bộ thì được xem xét hỗ trợ chi phí di chuyển, hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh, hỗ trợ tiền lương ngừng việc theo Quy định này.

**Điều 32. Hỗ trợ thêm cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt việc di dời**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành bàn giao mặt bằng trước và đúng thời hạn theo quy định sẽ được hỗ trợ thêm bằng tiền như sau:

1. Trường hợp bị thu hồi toàn bộ:

a) Đối với tổ chức (không tính đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị hành chính sự nghiệp): Được hỗ trợ thêm 10.000 đồng/m<sup>2</sup> đất có xây dựng nhà xưởng, nhà làm việc bị thu hồi, nhưng tối đa không quá 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng/tổ chức và tối thiểu không thấp hơn 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng/tổ chức;

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi nhà ở, đất ở: 15.000.000 đồng/lần;

c) Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp: tính bằng 50% theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

2. Trường hợp bị thu hồi một phần:

a) Đối với tổ chức: tính bằng 50% theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi nhà ở, đất ở: tính bằng 50% theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi một phần đất nông nghiệp: tính bằng 50% theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

3. Đối với trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi nhiều loại đất tại một vị trí trong cùng Dự án thì được hỗ trợ thêm với mức cao nhất trong các mức quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này; trường hợp có nhiều nhà đất giải tỏa tại các vị trí khác nhau thì giải quyết theo từng hồ sơ bồi thường.

4. Các trường hợp hỗ trợ thêm theo quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này chỉ áp dụng cho việc di chuyển và bàn giao mặt bằng trước và đúng tiến độ quy định.

5. Đối với những trường hợp chỉ bị hạn chế khả năng sử dụng đất, không bị thu hồi đất thì được hỗ trợ thêm với mức như trường hợp bị thu hồi một phần.

**Điều 33. Hỗ trợ đối với đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất và hộ gia đình, cá nhân thuê, đấu thầu quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn**

1. Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn không được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng được hỗ trợ bằng mức giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án được duyệt; tiền hỗ trợ được nộp vào Ngân sách Nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã nơi bị thu hồi đất theo đúng quy định.

2. Hộ gia đình, cá nhân thuê, nhận đấu thầu sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì không được bồi thường về đất, chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (nếu có) theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai năm 2013, Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT và Điều 7 Quy định này hoặc được hỗ trợ tối đa không quá mức hỗ trợ tại Khoản 3 Điều này; kinh phí hỗ trợ được trích từ số tiền hỗ trợ cho ngân sách Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 thì được hỗ trợ 10% mức giá bồi thường đất nông nghiệp theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án được duyệt đối với diện tích đang sử dụng (trừ trường hợp đã được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai năm 2013, Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT và Điều 7 Quy định này).

## **Chương VI**

### **TÁI ĐỊNH CƯ**

**Điều 34. Suất tái định cư tối thiểu** (*Thực hiện theo Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP*)

1. Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện tái định cư theo quy định Khoản 1 Điều 36 Quy định này mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ khoản chênh lệch đó; trường hợp không nhận đất ở, nhà ở tại khu tái định cư thì được nhận tiền tương đương với khoản chênh lệch đó, cụ thể:

a) Đối với các quận - huyện có căn hộ chung cư để bố trí thì diện tích căn hộ chung cư tối thiểu để tính hỗ trợ là  $30m^2$ . Phần diện tích lớn hơn  $30m^2$  người bị thu hồi đất phải thanh toán tiền theo quy định;

b) Đối với các quận - huyện không có căn hộ chung cư để bố trí thì diện tích đất ở tối thiểu hỗ trợ là  $45m^2$ . Phần diện tích lớn hơn  $45m^2$  người bị thu hồi đất phải thanh toán tiền theo quy định;

c) Việc áp dụng suất tái định cư tối thiểu quy định tại Điều a và b Khoản này được ưu tiên áp dụng trong quỹ nhà ở, đất ở tái định cư tại chỗ có giá bán tái định cư thấp nhất; trường hợp không có quỹ nhà ở, đất ở tái định cư tại chỗ thì áp dụng quỹ nhà ở, đất ở tái định cư có giá bán tái định cư bình quân tại Dự án đó hoặc Dự án có bố trí tái định cư lân cận trên địa bàn có vị trí, hạ tầng tương đương;

d) Số tiền được bồi thường, hỗ trợ để làm cơ sở tính hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu bao gồm:

- Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất ở.

- Tiền hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở (nếu có).

## 2. Xử lý phần chênh lệch giá trị giữa giá bồi thường với giá tái định cư:

Trường hợp bồi thường bằng việc giao đất ở tái định cư hoặc nhà ở tái định cư, nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch đó được thanh toán bằng tiền theo quy định sau:

a) Trường hợp tiền bồi thường, hỗ trợ lớn hơn tiền sử dụng đất ở (theo giá bán tái định cư) hoặc tiền mua nhà ở tại khu tái định cư thì người tái định cư được nhận phần chênh lệch;

b) Trường hợp tiền bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn tiền sử dụng đất ở (theo giá bán tái định cư) hoặc tiền mua nhà ở tái định cư thì người tái định cư phải nộp phần chênh lệch, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

## **Điều 35. Về lập và thực hiện Dự án tái định cư (Thực hiện theo Điều 85 Luật Đất đai năm 2013)**

1. Dự án tái định cư được lập và phê duyệt độc lập với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng phải bảo đảm có đất ở, nhà ở tái định cư trước khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất. Trường hợp tái định cư tại chỗ thì phải có phương án bố trí chỗ ở khác cho hộ dân hoặc chi trả tiền thuê nhà trong thời



gian chờ xây dựng khu tái định cư.

2. Việc lập Dự án tái định cư, lựa chọn chủ đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về phát triển, quản lý nhà ở tái định cư và phải bảo đảm các quy định tại Khoản 2, 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

3. Khu tái định cư được lập cho một hoặc nhiều Dự án tái định cư; phải xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng; nhà ở, đất ở trong khu tái định cư được bố trí theo nhiều cấp nhà, nhiều mức diện tích khác nhau phù hợp với các mức bồi thường và khả năng chi trả của người được tái định cư.

Trường hợp khu tái định cư là đất ở phân lô phải có thiết kế nhà mẫu hoặc thiết kế đô thị, bản đồ địa chính thửa đất để phục vụ giao đất, cấp Giấy chứng nhận.

4. Đối với Dự án khu tái định cư tập trung có phân kỳ xây dựng theo các Dự án thành phần thì tiến độ thu hồi đất và hoàn thành xây dựng nhà ở hoặc cơ sở hạ tầng của khu tái định cư được thực hiện theo tiến độ của từng Dự án thành phần nhưng các công trình cơ sở hạ tầng của từng Dự án thành phần trong khu tái định cư phải bảo đảm kết nối theo đúng quy hoạch chi tiết đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm báo cáo Sở Xây dựng để tiến hành lập Dự án tái định cư trước khi thu hồi đất.

6. Việc bảo đảm kinh phí để thực hiện Dự án tái định cư thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

### **Điều 36. Về tổ chức tái định cư**

1. Đối tượng, điều kiện tái định cư: Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở đủ điều kiện bồi thường quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư) thì được bố trí tái định cư trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện về diện tích đất ở để cấp phép xây dựng (bao gồm cả trường hợp cấp phép xây dựng có thời hạn) theo quy định mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn phường - xã - thị trấn nơi có đất ở thu hồi.

b) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn phải di chuyển chỗ ở mà không có

chỗ ở nào khác trong địa bàn phường - xã - thị trấn.

2. Diện tích đất ở, nhà ở để bố trí tái định cư:

Diện tích đất ở, nhà ở để bố trí tái định cư là diện tích theo quy hoạch đất ở, nhà ở tại khu tái định cư được phê duyệt (nếu bố trí bằng đất ở thì không vượt hạn mức giao đất ở tại quận - huyện).

Đối với các trường hợp có diện tích đất ở (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) bị thu hồi toàn bộ lớn hơn hạn mức và các trường hợp quỹ nền tái định cư có nền diện tích lớn hơn hạn mức thì giao Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm xem xét, bố trí phù hợp.

3. Giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua căn hộ chung cư tái định cư; giá đất ở tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư được xác định cùng thời điểm và thống nhất với nguyên tắc và phương pháp xác định giá đất ở cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

4. Trường hợp tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, đất ở hộ dân được nhận không đủ thanh toán giá trị nhà ở, đất ở trong khu tái định cư thì Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án xem xét giải quyết cho hộ dân được trả góp như sau:

- Số tiền nộp lần đầu: Hộ dân nộp tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà ở và đất ở đã nhận nếu tái bố trí bằng căn hộ hoặc bằng tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất ở đã nhận nếu tái bố trí bằng nền đất.

- Chênh lệch giữa giá trị căn hộ, nền đất hộ dân được bố trí với số tiền hộ dân nộp lần đầu (trường hợp hộ dân đủ điều kiện tái định cư theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà số tiền hộ dân nộp lần đầu thấp hơn suất tái định cư tối thiểu thì tính theo suất tái định cư tối thiểu) sẽ được trả góp với thời hạn tối đa là mười lăm (15) năm và được tính theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn của Ngân hàng thương mại trên số dư nợ.

5. Trường hợp người bị thu hồi đất nếu chọn thuê hoặc trả góp theo quy định tại Khoản 4 Điều này mà có khó khăn (do Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm xác định), khi đến nơi ở mới chưa có việc làm ổn định thì được chậm trả tiền mua nhà hoặc hoãn trả tiền thuê nhà trong thời hạn không quá năm (05) năm, hết thời hạn chậm trả tiền mua nhà hoặc hoãn trả tiền thuê nhà, người bị thu hồi đất phải thực hiện trả góp hoặc trả tiền thuê nhà theo quy định.

6. Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 6 và Khoản

5 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất; giải quyết trả góp, trả chậm được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 và 5 Điều này.

**Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án mà phải di chuyển chỗ ở**

1. Về quyền:

a) Được Thông báo về tái định cư theo quy định tại Khoản 1 Điều 86 Luật Đất đai năm 2013;

b) Được ưu tiên đăng ký hộ khẩu cho bản thân, các thành viên khác trong gia đình về nơi ở mới và được ưu tiên chuyển trường cho các thành viên trong gia đình trong độ tuổi đi học;

c) Được từ chối vào khu tái định cư nếu khu tái định cư không đảm bảo các điều kiện như đã thông báo và niêm yết công khai;

d) Được cung cấp mẫu thiết kế nhà miễn phí;

đ) Được cấp Giấy chứng nhận theo quy định nếu nhận tái định cư.

2. Về nghĩa vụ:

a) Thực hiện di chuyển vào khu tái định cư theo đúng thời gian theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Xây dựng nhà, công trình theo đúng quy hoạch và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

c) Nộp tiền mua nhà ở hoặc tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê nhà theo quy định của pháp luật.

## **Chương VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 38. Lập và phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra (bao gồm cả điều tra xã hội học), khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; điều tra nhu cầu học nghề, giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất**

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện chủ trì phối hợp với Chủ đầu tư dự án, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn nơi có đất thu hồi để:

- Lập và trình Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi có đất thu hồi phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm của dự án;
- Điều tra nhu cầu học nghề, giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất;
- Điều tra xã hội học của dự án.

### **Điều 39. Thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án**

#### 1. Về thủ tục thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án:

a) Sau khi có Thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ra quyết định thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và Tổ Công tác giúp việc cho Hội đồng.

Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và Tổ công tác giúp việc tự chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng cho tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất; thực hiện bàn giao các hồ sơ, công việc tồn đọng cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện để tiếp tục giải quyết.

b) Các thành viên Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án phải ổn định ở từng Dự án và ở từng quận - huyện, cơ bản chỉ thay đổi các thành phần là chủ đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn nơi có Dự án và đại diện những người bị thu hồi đất của Dự án đó.

#### 2. Thành phần Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

##### a) Thành phần Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện là Chủ tịch Hội đồng;

- Lãnh đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện là Phó Chủ tịch Thường trực của Hội đồng;

- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường - Phó Chủ tịch Hội đồng;

- Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch - Ủy viên;

- Lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị - Ủy viên;

- Lãnh đạo Phòng Tư pháp - Ủy viên;

- Lãnh đạo Thanh tra quận - huyện - Ủy viên;

- Lãnh đạo Phòng Lao động thương binh và xã hội - Ủy viên;

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi thu hồi đất - Ủy viên;

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận - huyện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường - xã - thị trấn - Ủy viên;

- Chủ đầu tư Dự án (trong trường hợp đã xác định chủ đầu tư và dự án không được đầu tư bằng nguồn vốn 100% nước ngoài) - Ủy viên;

- Đại diện những người có đất thuộc phạm vi thu hồi với số lượng từ 01 đến 02 người, trường hợp dự án có quy mô lớn (thu hồi đất của hơn 100 hộ hoặc qua địa bàn nhiều phường - xã - thị trấn) thì số lượng không quá 04 người. Đại diện những người có đất thuộc phạm vi thu hồi có trách nhiệm phản ánh nguyện vọng của những người có đất thuộc phạm vi thu hồi.

+ Đại diện những người có đất thuộc phạm vi thu hồi sẽ do các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án lựa chọn, đề cử trên nguyên tắc phải là người bị thu hồi đất bởi dự án, có hiểu biết về pháp luật và được sự tin nhiệm của các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án.

+ Trường hợp các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án không lựa chọn, đề cử được người đại diện để tham gia Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường - xã - thị trấn nơi thu hồi đất có trách nhiệm giới thiệu người tham gia Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Tùy theo bộ máy tổ chức của quận - huyện và quy mô của từng Dự án cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện bổ sung thêm một số đại diện khác làm thành viên hoặc điều chỉnh nhiệm vụ của thành viên cho phù hợp.

b) Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quận - huyện làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số và theo quy định của pháp luật; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

### 3. Trách nhiệm của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

a) Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm;

- Lập và trình duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án theo trình tự quy định; phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân;

- Tổ chức thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất và thu hồi đất;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý của đất đai, tài sản được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ trong chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và của từng trường hợp cụ thể bị ảnh hưởng bởi dự án.

b) Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng:

- Chủ tịch Hội đồng:

+ Ký chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từng người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất và phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân;

+ Ký Tờ trình báo cáo nội dung thẩm định và trình duyệt. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc ngoài thẩm quyền thì báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân quận - huyện có văn bản nêu chính kiến cụ thể kèm toàn bộ hồ sơ có liên quan gửi các Sở - ngành và Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến giải quyết;

+ Chỉ đạo các thành viên Hội đồng lập, trình duyệt và tổ chức thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án.

- Đại diện những người có đất thuộc phạm vi thu hồi có trách nhiệm: phản ánh nguyện vọng của người bị thu hồi đất, người phải di chuyển chỗ ở; vận động những người bị thu hồi đất chấp hành tốt chủ trương, chính sách, kế hoạch và thực hiện di chuyển, bàn giao mặt bằng đúng tiến độ.

- Các thành viên khác thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công và chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng phù hợp với trách nhiệm của ngành.

4. Kinh phí cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Thông tư số 74/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án được sử dụng con dấu của

Ủy ban nhân dân quận - huyện đề hoạt động.

**Điều 40. Việc lập chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, 62, Điểm đ, e Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 (Thực hiện theo Khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 16 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điều 13 Thông tư số 37/TT-BTNMT)**

1. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi tắt là phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư):

a) Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gồm các nội dung sau:

- Họ và tên, địa chỉ của người có đất thu hồi;
- Diện tích, loại đất, vị trí, nguồn gốc của đất thu hồi; diện tích đất còn lại ngoài ranh thu hồi (nếu có); số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại;
- Số lượng, chủng loại của tài sản nằm trong ranh thu hồi đất và phần ngoài ranh thu hồi đất nhưng bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất;
- Số lượng, chủng loại mô mã phải di chuyển; Phương án di chuyển mô mã;
- Đơn giá bồi thường về đất, tài sản, đơn giá bồi thường di chuyển mô mã, đơn giá hỗ trợ khác và căn cứ tính toán tiền bồi thường, hỗ trợ;
- Phương án, diện tích nhà, đất được bố trí tái định cư (nếu có);
- Phương án di dời đối với tổ chức (nếu có);
- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (trừ trường hợp được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở khi thu hồi đất ở);
- Các khoản nghĩa vụ tài chính phải khấu trừ (nếu có).

b) Đối với Dự án mà tổng số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải thu hồi đất là trên mười (10) trường hợp thì Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện cho dự án bao gồm:

- Cơ sở pháp lý thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án;
- Các thông tin về dự án như: mục tiêu thực hiện dự án, diện tích đất thu hồi, số trường hợp bị ảnh hưởng, nguồn vốn đầu tư, thời gian thực hiện dự án và các thông

tin khác có liên quan;

- Giá các loại đất để tính bồi thường, hỗ trợ;

- Giá bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc, hoa màu, vật nuôi, tài sản khác;

- Địa điểm bố trí tái định cư và giá thu tiền sử dụng đất nền đất tái định cư, giá bán căn hộ chung cư phục vụ tái định cư. Trường hợp chưa phê duyệt giá thu tiền sử dụng đất nền đất tái định cư, giá bán căn hộ chung cư phục vụ tái định cư thì nêu giá dự kiến;

- Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được áp dụng;

- Dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

c) Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án có trách nhiệm lập dự thảo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (được lập theo quy định tại Điểm a Khoản này) và phối hợp với Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến các hộ dân bị ảnh hưởng về dự thảo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai dự thảo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại diện những người có đất thu hồi.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, ghi rõ số lượng ý kiến, đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với dự thảo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về dự thảo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn chỉnh chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cơ quan có thẩm quyền.

2. Thẩm định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án



bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền thu hồi đất quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013;

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền thu hồi đất quy định tại Khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013;

c) Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận - huyện thu hồi đất trong trường hợp khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 thì việc thẩm định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo Điểm b Khoản này.

3. Việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng trong dự án, Ủy ban nhân dân quận - huyện phải thực hiện xong công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi hoặc bị ảnh hưởng, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

b) Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định phê duyệt

chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

c) Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

d) Trường hợp người có đất thu hồi hoặc bị ảnh hưởng không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi hoặc bị ảnh hưởng thực hiện.

Trường hợp người có đất thu hồi hoặc bị ảnh hưởng đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013.

4. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn chịu trách nhiệm quản lý phần đất đã được thu hồi (gồm cả phần diện tích dôi dư ngoài ranh dự án) trong thời gian chưa bàn giao phần diện tích này cho Chủ đầu tư dự án hoặc Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố.

5. Việc lấy ý kiến đóng góp của người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng về dự thảo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại Khoản 1 Điều này ít nhất là 20 ngày, kể từ ngày niêm yết.

6. Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập theo quy định tại Điều này không bao gồm các Dự án đầu tư do Quốc hội quyết định đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư được quy định tại Điều 17 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

#### **Điều 41. Thời hạn bàn giao mặt bằng**

Người có đất bị thu hồi hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án phải bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi

đất theo thời hạn như sau:

1. Đối với đất nông nghiệp: 20 ngày sau khi Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ.

2. Đối với đất ở:

a) Đối với trường hợp không đủ điều kiện tái định cư: 30 ngày sau khi Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ.

b) Đối với trường hợp đủ điều kiện tái định cư:

- Trường hợp hộ dân tự lo nơi ở mới: 60 ngày sau khi Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ;

- Trường hợp hộ dân đủ điều kiện bố trí nền đất: 06 tháng kể từ ngày được nhận nền đất tái định cư;

- Trường hợp hộ dân đủ điều kiện bố trí căn hộ chung cư: 02 tháng kể từ ngày nhận được căn hộ chung cư tái định cư.

3. Đất sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ: 60 ngày sau khi Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ (người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án đã nhận tiền hoặc Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đã gửi tiền bồi thường, hỗ trợ vào ngân hàng hoặc đã chuyển tiền bồi thường, hỗ trợ vào Kho bạc Nhà nước theo quy định).

4. Đối với các dự án cấp bách, cần mặt bằng để triển khai ngay thì thời hạn bàn giao mặt bằng là không quá 30 ngày kể từ ngày Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ; các trường hợp đủ điều kiện tái định cư thì Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án chi trả tiền thuê nhà hoặc bố trí nơi ở tạm cho người có đất bị thu hồi hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án trong khoảng thời gian từ ngày bàn giao mặt bằng đến:

- 01 tháng sau ngày bàn giao mặt bằng đối với trường hợp tự lo nơi ở mới;

- 06 tháng sau ngày nhận nền đất tái định cư đối với trường hợp đủ điều kiện bố trí nền đất;

- 02 tháng sau ngày nhận căn hộ chung cư tái định cư đối với trường hợp đủ điều kiện bố trí căn hộ.

**Điều 42. Xử lý tiền bồi thường, hỗ trợ trong trường hợp có phát sinh tranh**

**chấp, khiếu nại**

Trường hợp người có đất bị thu hồi hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt hoặc đang có khiếu nại, tranh chấp về quyền sử dụng đất, nhà và tài sản khác (kể cả các trường hợp đồng quyền sử dụng đất) mà chưa giải quyết xong thì tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất, nhà và tài sản khác đang khiếu nại, tranh chấp sẽ được chuyển vào Kho bạc Nhà nước theo quy định chờ sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất, nhà, tài sản.

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại và tranh chấp thì người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng vẫn phải chấp hành di chuyển, giao đất hoặc bàn giao mặt bằng đúng kế hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

**Điều 43. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận - huyện và phường - xã - thị trấn**

1. Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi có đất bị thu hồi có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn.

b) Ban hành Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền.

c) Phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện như sau:

- Kế hoạch điều tra, kiểm đếm;

- Kế hoạch, tiến độ thực hiện thu hồi đất;

- Ban hành Quyết định phê duyệt phương án đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm; Quyết định phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của người bị ảnh hưởng;

- Dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở cho hộ dân theo thẩm quyền;

- Quy chế bóc thăm và phương án bố trí tái định cư.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức.

đ) Tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư (nếu có), phương án bố trí tái định cư trước khi thu hồi đất. Khu tái định cư tập trung phải đảm bảo cơ sở hạ tầng đồng bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, phù hợp với điều kiện, phong tục, tập quán của địa phương.

e) Hướng dẫn về quy chuẩn, kiến trúc đối với công trình xây dựng trên phần diện tích đất còn lại sau khi Nhà nước thu hồi.

g) Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất của dự án:

- Định kỳ hàng tháng đối với các dự án trọng điểm trên địa bàn;

- Định kỳ hàng quý đối với toàn bộ các dự án trên địa bàn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm:

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn quản lý;

- Quyết định thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Tổ công tác, tổ chức lập, thẩm định phê duyệt và thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng;

- Ban hành các quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo quy định;

- Thực hiện các quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.

- Phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

3. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án;

b) Phối hợp với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án thực hiện xác nhận đất đai, tài sản của người bị thu hồi trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc;

c) Tạo điều kiện hỗ trợ cho việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư cho người bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án

cũng như việc tiếp nhận bàn giao mặt bằng, thu hồi đất, quản lý đất đã thu hồi theo quy định của Thành phố.

**Điều 44. Trách nhiệm của các Sở, ngành thành phố và các đơn vị có liên quan**

1. Hội đồng Thẩm định Bồi thường thành phố:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố các chủ trương, chính sách có liên quan đến việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các vướng mắc phát sinh do quy định của pháp luật chưa đề cập đến hoặc do mâu thuẫn, chưa rõ ràng trong việc áp dụng quy định pháp luật;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân quận - huyện, chủ đầu tư dự án thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hướng dẫn quy trình, thủ tục hồ sơ cụ thể để phục vụ cho việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; có ý kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định nếu vượt thẩm quyền các vấn đề do các Sở - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện đề nghị;

c) Các nhiệm vụ khác hoặc công việc cụ thể theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố;

b) Cùng các Sở - ngành liên quan xác định hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và trình thẩm định, phê duyệt theo quy định;

c) Phối hợp với các cơ quan để hướng dẫn các vướng mắc liên quan đến pháp lý đất đai; giá đất theo quy định.

d) Biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn thành phố.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở - ngành có liên quan xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường;

b) Hướng dẫn giải quyết các vướng mắc liên quan đến thẩm định giá đất theo

quy định;

c) Xử lý các vấn đề về kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án;

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện theo dõi, thu và nộp ngân sách đối với số tiền thuê nhà, tiền trả góp của người bị thu hồi đất theo quy định (kể cả trường hợp Chủ đầu tư tự nguyện ứng vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư).

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: Tham mưu kế hoạch vốn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các Dự án sử dụng vốn Ngân sách thành phố, các dự án PPP.

5. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Sở - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện tạo lập, cân đối, trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí quỹ nhà tái định cư của các dự án;

b) Giải quyết các nội dung vướng mắc liên quan đến việc thu hồi nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân;

c) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về chất lượng xây dựng các khu tái định cư theo quy định hiện hành;

d) Hướng dẫn vướng mắc trong việc bồi thường, hỗ trợ về tài sản, công trình, vật kiến trúc; bồi thường giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện các Dự án tái định cư sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước;

e) Hướng dẫn việc thẩm định, phê duyệt giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở để phục vụ tái định cư (bao gồm cả nhà ở xã hội).

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất;

b) Hướng dẫn việc xác định đối tượng và mức bồi thường theo chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của Ủy ban nhân dân quận -

huyện.

7. Sở Công Thương có trách nhiệm: Tổ chức thẩm định chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt máy móc, thiết bị theo quy định; thực hiện theo quy định tại Điều d Khoản 3 Điều 26 Quy định này.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Cùng các Sở, ngành có liên quan đề hướng dẫn các vướng mắc, khó khăn liên quan đến việc bồi thường cây trồng, hoa màu, vật nuôi theo quy định; thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy định này;

b) Hướng dẫn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất do sạt lở sông, kênh, rạch.

9. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

a) Có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị theo đúng quy định của pháp luật và giải quyết những vướng mắc về quy hoạch, kiến trúc theo thẩm quyền;

b) Cung cấp thông tin quy hoạch, thỏa thuận quy hoạch, kiến trúc cho các tổ chức phải di chuyển do bị thu hồi đất để đảm bảo yêu cầu tiến độ thu hồi đất.

10. Thanh tra thành phố:

a) Tổ chức xác minh, kết luận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo;

b) Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Sở, ngành có liên quan trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

11. Các Sở, ngành khác:

Có trách nhiệm phối hợp, tham gia thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với những nội dung liên quan thuộc chức năng quản lý Nhà nước hoặc nhiệm vụ được phân công của cơ quan, đơn vị mình.

12. Trách nhiệm của Chủ đầu tư Dự án (Trường hợp xác định chủ đầu tư trước khi thu hồi đất) hoặc chủ đầu tư tiểu dự án (dự án) bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (trường hợp tách phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiểu dự án (dự án) riêng



và tổ chức thực hiện độc lập).

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi thu hồi đất xây dựng Kế hoạch thu hồi đất;

b) Đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và kinh phí cho tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Đề xuất hoặc xác định quỹ nhà, quỹ đất tái định cư để thực hiện Dự án trước khi xây dựng kế hoạch thu hồi đất; phối hợp với chính quyền địa phương đưa các hộ dân đi kiểm tra quỹ nhà, quỹ đất tái định cư;

d) Phối hợp cùng với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi thu hồi đất giải quyết các vấn đề liên quan đến Dự án đầu tư.

#### **Điều 45. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi nhà, đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án chấp hành tốt chủ trương, chính sách, kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được hỗ trợ thêm bằng tiền theo Điều 32 Quy định này.

Các đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được khen thưởng theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án có trách nhiệm chấp hành đầy đủ và đúng thời gian giao đất theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức; hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án; các chủ đầu tư Dự án và các đơn vị, cá nhân làm công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

#### **Điều 46. Giao trách nhiệm cho các cơ quan thực hiện**

1. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức tăng cường củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của quận - huyện để phục vụ kịp thời, có hiệu quả yêu cầu đầu tư phát triển của Thành phố.

2. Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án tổ chức phổ biến, giải thích, hướng dẫn thực hiện cụ thể chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt) đến các đối tượng bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng trong khu

vực quy hoạch xây dựng công trình biết để thực hiện. Các trường hợp vướng mắc, phát sinh ngoài thẩm quyền giải quyết của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và của Ủy ban nhân dân quận - huyện thì Ủy ban nhân dân quận - huyện kịp thời báo cáo, đề xuất cụ thể với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là các Sở, ngành chức năng quản lý chuyên ngành của Thành phố xem xét, hướng dẫn thực hiện. Trường hợp vượt thẩm quyền, các Sở, ngành chức năng báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm thường xuyên quan tâm theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện tốt nhất để các hộ bị thu hồi đất hoặc bị ảnh hưởng bởi các dự án sớm ổn định chỗ ở và cuộc sống nơi mới, nhất là việc học tập, hướng nghiệp, đào tạo chuyển đổi ngành nghề và giải quyết việc làm cho các đối tượng có yêu cầu, các thủ tục giấy tờ khi chuyển đổi nơi ở, chuyển trường học.

4. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở - ngành có liên quan và các chủ đầu tư kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2018/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2018*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp tổ chức thực hiện cưỡng chế  
và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt  
vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành trong lĩnh vực văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 2430/TTr-SVHTT ngày 22 tháng 5 năm 2018, Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2867/TTr-SNV ngày 01 tháng 8 năm 2018 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6586/STP-VB ngày 13 tháng 7 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp tổ chức thực hiện cưỡng chế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp tổ chức thực hiện cưỡng chế và áp dụng các biện pháp  
cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính  
trong lĩnh vực văn hóa - xã hội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về trách nhiệm phối hợp của các cơ quan có thẩm quyền, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội gây ra trong trường hợp không áp dụng xử phạt (gọi chung là cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Đối tượng bị cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội là tổ chức và cá nhân vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính và có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã quá thời hạn chấp hành hoặc quá thời hạn hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã quá thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra mà không tự nguyện chấp hành.

b) Người có thẩm quyền, người được giao nhiệm vụ và cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp, tổ chức thi hành cưỡng chế trong lĩnh vực văn hóa - xã hội.

#### **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính trong**

**lĩnh vực văn hóa - xã hội**

1. Việc cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền.

2. Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.

3. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo thứ tự quy định tại Khoản 2, Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Chỉ áp dụng các biện pháp tiếp theo khi không thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế trước đó hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế.

**Điều 3. Các biện pháp cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội**

1. Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập;

2. Khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm;

3. Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

4. Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản;

5. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

**Điều 4. Các trường hợp áp dụng cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội**

Đối tượng bị xử phạt bị áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội trong các trường hợp sau:

1. Quá thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1, Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 hoặc quá thời hạn thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, mà cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện chấp hành.

2. Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt quyết định cho phép nộp tiền phạt

nhiều lần nhưng quá thời hạn nộp tiền của lần cuối cùng mà đối tượng bị xử phạt không chấp hành theo quy định tại Điều 79 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

3. Quá thời hạn hoãn chấp hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

### **Điều 5. Quyết định cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội**

Nội dung của Quyết định cưỡng chế thực hiện theo quy định tại Điều 10, Khoản 1, Điều 15, Khoản 1, Điều 21 và Điều 31 của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sau đây gọi là Nghị định số 166/2013/NĐ-CP).

### **Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.**

Các cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội:

1. Sở Văn hóa và Thể thao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế hành chính đối với các trường hợp vi phạm hành chính do Đoàn 1 - Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội thành phố xác lập.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế hành chính đối với các trường hợp vi phạm hành chính do Đoàn 2 - Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội thành phố xác lập.

3. Công an thành phố có trách nhiệm trong việc chỉ đạo Công an quận, huyện, Công an phường, xã, thị trấn tham gia, phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khi có yêu cầu.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện đề xuất, tham mưu cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội đối với các trường hợp vi phạm hành chính vượt thẩm quyền, thông qua cơ quan chuyên môn được giao tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định xử phạt; đồng thời chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội.

5. Sở, ngành khác chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế đối với trường hợp hồ sơ lĩnh vực văn hóa - xã hội do vượt thẩm quyền của Thanh tra Sở, ngành chuyển đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định xử phạt.

**Chương II****TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI****Điều 7. Biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập**

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập là cá nhân quy định tại Điều 8 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

2. Cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

a) Dự thảo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố văn bản yêu cầu chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi cá nhân bị xử phạt và thực hiện tổng đạt văn bản này đến cá nhân bị xử phạt hoặc niêm yết văn bản tại trụ sở, địa điểm kinh doanh của cá nhân bị xử phạt có chứng kiến của chính quyền cấp xã.

b) Phát hành văn bản yêu cầu cá nhân bị xử phạt cung cấp thông tin cá nhân, tổ chức quản lý tiền lương và thu nhập của cá nhân bị xử phạt. Cá nhân bị xử phạt có trách nhiệm cung cấp trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã cung cấp.

c) Khi biết thông tin về cá nhân, tổ chức quản lý tiền lương và thu nhập của cá nhân bị xử phạt, cơ quan tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phát hành văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức quản lý tiền lương và thu nhập của cá nhân bị xử phạt cung cấp thông tin về tiền lương, thu nhập, mức bảo hiểm xã hội của cá nhân bị xử phạt trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã cung cấp.

d) Khi có thông tin về tiền lương, thu nhập, mức bảo hiểm xã hội của cá nhân bị xử phạt, cơ quan tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập. Việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế theo quy định của Điều 11, Điều 12 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

đ) Trường hợp sau 03 ngày làm việc mà cá nhân bị xử phạt không cung cấp thông tin và cơ quan tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế không biết được thông tin về tiền lương, thu nhập, mức bảo hiểm xã hội của cá nhân bị xử phạt thì tiếp tục tham mưu thực hiện các biện pháp cưỡng chế tiếp theo.



3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

### **Điều 8. Biện pháp khấu trừ tiền từ tài khoản**

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản là các đối tượng được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 1 của Quy chế này có tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở Việt Nam.

2. Cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

a) Dự thảo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố văn bản yêu cầu chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi cá nhân, tổ chức bị xử phạt và thực hiện tổng đạt văn bản này đến cá nhân, tổ chức bị xử phạt hoặc niêm yết văn bản tại trụ sở, địa điểm kinh doanh của cá nhân, tổ chức bị xử phạt có chứng kiến của chính quyền cấp xã.

b) Dự thảo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản gửi Cục thuế thành phố, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về số hiệu tài khoản, loại tài khoản, số dư tài khoản, ngày phát sinh giao dịch gần nhất đối với tất cả tài khoản của tổ chức, cá nhân bị xử phạt cho cơ quan tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

c) Việc cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản được thực hiện như sau:

- Trường hợp tổ chức, cá nhân bị xử phạt có tài khoản và có tiền gửi trong tài khoản đủ đảm bảo thực hiện quyết định cưỡng chế thì cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân bị xử phạt không có tài khoản hoặc có tài khoản mà số tiền gửi tại tài khoản không có thì cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện kê biên tài sản để bán đấu giá quy định tại Điều 9 Quy chế này.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm có tài khoản và tiền gửi trong tài khoản không đủ đảm bảo thực hiện quyết định cưỡng chế thì cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản theo quy định tại Khoản 1, Điều 15

Nghị định số 166/2013/NĐ-CP và thực hiện kê biên tài sản để bán đấu giá theo quy định.

3. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế mở tài khoản thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP. Thủ tục thu tiền khấu trừ và trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định 166/2013/NĐ-CP.

### **Điều 9. Biện pháp kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá**

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá quy định tại Điều 18 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

2. Cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

a) Xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm hỗ trợ cơ quan tiến hành xác minh hoàn thành nhiệm vụ.

b) Báo cáo kết quả xác minh về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế và đề xuất áp dụng hay không áp dụng biện pháp kê biên tài sản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Đồng thời dự thảo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cưỡng chế kê biên tài sản của đối tượng bị cưỡng chế (trong trường hợp đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định áp dụng biện pháp kê biên tài sản). Nội dung quyết định cưỡng chế kê biên tài sản theo quy định tại Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP. Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản được thông báo cho cá nhân, tổ chức bị kê biên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức có trụ sở đóng trên địa bàn trước khi tiến hành cưỡng chế kê biên 05 ngày làm việc. Phối hợp với cơ quan chức năng cấp xã thực hiện biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn tẩu tán tài sản của đối tượng bị cưỡng chế kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế.

c) Dự thảo kế hoạch tiến hành cưỡng chế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Chủ trì tổ chức thi hành cưỡng chế kê biên tài sản theo kế hoạch được duyệt và theo quy định tại Điều 22, 23, 24, 25, 26 và 27 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

d) Việc kê biên tài sản trụ sở, địa điểm kinh doanh của đối tượng bị cưỡng chế tuân thủ Điều 19 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

3. Công an thành phố có trách nhiệm bố trí lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, trấn áp và xử lý các đối tượng chống người thi hành công vụ trong quá trình tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế định giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Các cơ quan, tổ chức hữu quan khác có trách nhiệm tham gia thực hiện cưỡng chế theo kế hoạch cưỡng chế đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

**Điều 10. Biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản**

Khi có căn cứ xác định bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế và biện pháp cưỡng chế theo Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này vẫn chưa thu đủ số tiền phạt, chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa đủ chi phí cưỡng chế thì cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản theo quy định tại Điều 29, 30, 31, 32 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

**Điều 11. Biện pháp buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

a) Dự thảo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố văn bản yêu cầu chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả gửi cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và thực hiện tổng đạt văn bản này đến cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp khắc phục

hậu quả hoặc niêm yết văn bản tại trụ sở, địa điểm kinh doanh của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có chứng kiến của chính quyền cấp xã.

b) Khi hết thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 mà tổ chức, cá nhân không chấp hành thực hiện, cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế dự thảo quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP và kế hoạch tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký, phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo kế hoạch tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế đã được phê duyệt và quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

2. Công an thành phố và các cơ quan chức năng có liên quan có trách nhiệm tham gia thực hiện theo kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt.

### **Điều 12. Chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế để bảo đảm thi hành**

Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định cưỡng chế thì cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại Điều 6 Quy chế này có trách nhiệm báo cáo và dự thảo văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chuyển quyết định cưỡng chế để tổ chức thi hành theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

### **Điều 13. Các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế**

Cơ quan giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm dự thảo văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định chưa cho xuất cảnh đối với cá nhân bị cưỡng chế nếu chưa thực hiện hoặc cố tình trốn tránh thực hiện và gửi cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, nêu rõ các yếu tố nhân thân của người chưa được xuất cảnh và thời hạn chưa cho người đó xuất cảnh để thực hiện. Khi hủy bỏ quyết định đó, Cơ quan giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải có trách nhiệm dự thảo văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an để thực hiện.

### **Điều 14. Chi phí cưỡng chế**

1. Tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho hoạt động cưỡng chế theo Điều 41 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

2. Hàng năm, cơ quan được giao tham mưu, chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố dự toán kinh phí cưỡng chế trong kinh phí được giao hàng năm của đơn vị. Việc quản lý, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Thông tư số 05/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY CHẾ**

### **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các cơ quan chức năng có liên quan thực hiện Quy chế này;

Tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội để chấp hành.

### **Điều 16. Bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi Quy chế**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với các quy định pháp luật và thực tiễn thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2018***CHỈ THỊ****Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội  
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019**

Để kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 đảm bảo tính khả thi và sát thực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và doanh nghiệp nhà nước tập trung xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, với các nội dung chủ yếu sau:

**A. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019****I. Mục tiêu tổng quát**

Nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố gắn với tái cấu trúc kinh tế theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp. Tăng cường xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ gắn với chỉnh trang đô thị, kiểm chế và giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông, giảm ngập nước, giảm ô nhiễm môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển khoa học và công nghệ. Bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính; đẩy nhanh quá trình xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh; nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, sử dụng

ngân sách hiệu quả. Giảm mạnh tội phạm, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; mở rộng và nâng cao công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế.

## **II. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2019**

1. Triển khai hiệu quả các chính sách của Trung ương góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát:

Thực hiện các chính sách tiền tệ, tài khóa của Trung ương; tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường tín dụng, thị trường hàng hóa. Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 21-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, tạo động lực và cơ chế mới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội thành phố. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa trên địa bàn thành phố (GRDP) đạt 8 - 8,5%; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

2. Nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố

Tập trung thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp; Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2016 về triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn, thuận lợi, tạo sức hút mạnh trong đầu tư và phát triển doanh nghiệp.

Đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo kế hoạch phê duyệt, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại doanh nghiệp theo Nghị quyết số 12-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp.

**3. Thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực gắn với phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu phù hợp, phấn đấu cân bằng thương mại bền vững**

Nâng cao tỷ trọng các ngành có hàm lượng tri thức, giá trị gia tăng cao trong ngành dịch vụ, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tích cực; phát huy lợi thế của thành phố, phát triển nhanh, hiệu quả một số ngành dịch vụ có lợi thế, có giá trị gia tăng cao như du lịch, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ khác hỗ trợ kinh doanh. Làm tốt vai trò là trung tâm tiếp nhận khách du lịch quốc tế, trong nước và tổ chức các chương trình du lịch đến các địa phương; thúc đẩy tăng trưởng du lịch theo hướng bền vững.

Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố đến 2020. Đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm dần tỷ trọng các ngành thâm dụng lao động, tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp có hàm lượng tri thức, công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, công nghiệp phục vụ nông thôn. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố, Quỹ bảo lãnh tín dụng, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Phát huy kết quả thực hiện chương trình nông thôn mới, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất giống cây, giống con chất lượng và năng suất cao, từng bước hình thành trung tâm giống cây, giống con của khu vực.

Đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu đối với những mặt hàng không khuyến khích. Đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, không phụ thuộc vào một thị trường. Xây dựng hệ thống kho, bãi hiện đại, hoàn thiện và khai thác tối đa dịch vụ cảng vận tải, hậu cần hàng hải và xuất - nhập khẩu, vận tải đa phương thức.

**4. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển đô thị bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**

Huy động mọi nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại nhằm giải quyết cơ bản ùn tắc giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường, di dời toàn bộ nhà ở ven kênh rạch; xây dựng hạ tầng các lĩnh vực trọng điểm. Bổ sung chính sách khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, chú ý khai thác nguồn vốn từ mặt bằng, nhà xưởng, quyền sử dụng đất để có thêm nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị; đẩy mạnh kêu gọi và tập trung thực hiện các dự án đầu tư



theo phương thức hợp tác công - tư (PPP) tạo bước đột phá trong huy động vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

Thực hiện Chương trình chỉnh trang và phát triển đô thị giai đoạn 2016 - 2020; tập trung di dời và tổ chức lại cuộc sống của người dân đang sống trên và ven kênh, rạch; tạo cơ chế đột phá về quy hoạch, đất đai, tài chính hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng mới, thay thế chung cư cũ hư hỏng, xuống cấp. Xây dựng, nâng cấp các khu dân cư hiện hữu gắn với chỉnh trang đô thị; xây dựng, phát triển các khu đô thị mới đồng bộ, văn minh, hiện đại.

Thực hiện Chương trình giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông giai đoạn 2016 - 2020; chủ động phối hợp các bộ ngành Trung ương và các địa phương liên quan tập trung đầu tư xây dựng hệ thống giao thông cửa ngõ, giao thông công cộng có sức chở lớn, phát triển đường vành đai, đường trên cao, đường cao tốc, luồng tàu đường biển, đường sông; kết nối liên thông các loại hình vận tải; kiên quyết chấn chỉnh trật tự đô thị và trật tự lòng, lề đường; có lộ trình và giải pháp khả thi kiểm soát phương tiện giao thông cá nhân gắn với phát triển giao thông công cộng sức chở lớn; phát triển các loại hình xe buýt nhanh, ô tô điện; huy động mọi nguồn lực phát triển nhanh đường sắt đô thị. Rà soát, tổ chức lại giao thông khoa học, hợp lý tại các khu vực có nguy cơ xảy ra ùn tắc giao thông.

Thực hiện Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016 - 2020; xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Nhân rộng mô hình phân loại rác tại nguồn, phối hợp các địa phương kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải trực tiếp ra sông Sài Gòn. Tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân dân. Thực hiện hiệu quả các dự án môi trường do các tổ chức quốc tế tài trợ, các chương trình hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

Thực hiện Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2016 - 2020; tập trung xóa, kéo giảm các điểm ngập nước hiện hữu; kiểm soát, ngăn chặn không để phát sinh điểm ngập mới trên địa bàn. Nghiên cứu và đề ra các giải pháp nâng cao khả năng phòng tránh nhằm giảm thiểu tác động xấu của biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng; ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra.

**5. Về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội:**

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của các bậc học; nâng

cao đồng đều chất lượng giáo dục nội thành và ngoại thành, giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, đảm bảo cung cấp đầy đủ giáo viên các cấp học, ngành học (nhất là giáo viên mầm non và tiểu học); nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất của nhà trường; củng cố và mở rộng mạng lưới trường lớp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; thực hiện xã hội hóa giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát triển giáo dục.

Tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cao, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học - công nghệ. Bổ sung chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp trở thành chủ thể chính của thị trường khoa học - công nghệ, tích cực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển phần mềm, nâng cao năng lực quản trị sản xuất - kinh doanh, nâng tỷ trọng các yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

Thực hiện hiệu quả các chương trình sức khỏe của thành phố, chương trình mục tiêu quốc gia về y tế và công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; chú trọng năng lực khám chữa bệnh tuyến cơ sở, phát triển mô hình khoa vệ tinh, phòng khám vệ tinh, mô hình Bác sĩ gia đình, từng bước giảm tình trạng quá tải tại các bệnh viện tuyến thành phố. Khuyến khích xã hội hóa, kêu gọi đầu tư các bệnh viện, các cơ sở y tế bằng nhiều nguồn vào các cụm y tế cửa ngõ theo quy hoạch được duyệt. Phát triển hệ thống y tế dự phòng để chủ động phòng, chống các dịch bệnh. Tăng cường công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hiện đại, văn minh, nghĩa tình, đậm đà bản sắc dân tộc, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực của xã hội đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức lễ hội.

Thực hiện đầy đủ và toàn diện các chính sách bảo đảm an sinh và nâng cao phúc lợi xã hội. Thực hiện hiệu quả chương trình giảm nghèo bền vững theo hướng phát huy nội lực; kết hợp sự trợ giúp của cộng đồng quốc tế, nhằm tăng khả năng tiếp cận của người nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục - đào tạo, y tế, việc làm, bảo hiểm xã hội, nhà ở, điều kiện sống, thông tin). Từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.

**6.** Thực hiện hiệu quả Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025”; Chương trình cải

cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm ổn định chính trị, xã hội. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

7. Tăng cường quốc phòng, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Có các phương án tác chiến cụ thể ứng phó kịp thời các tình huống xảy ra, không để bị động, bất ngờ. Kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với lực lượng công an trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; nắm chắc tình hình, âm mưu và các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bọn cơ hội chính trị. Phòng chống cháy nổ và đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

8. Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại song phương, đa phương, thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế. Đổi mới và đa dạng hình thức quan hệ với các đối tác, tăng cường giao lưu đối thoại qua đó thắt chặt hơn nữa quan hệ hữu nghị, hợp tác của thành phố với các nước. Chú trọng công tác quảng bá hình ảnh đất nước và thành phố để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và kiều bào tham gia xây dựng quê hương.

9. Thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng. Xử lý nghiêm các vi phạm, các trường hợp đưa tin không đúng sự thật. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội; đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Thông tin đầy đủ, kịp thời các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm.

### **III. Nhiệm vụ xây dựng dự toán ngân sách thành phố năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021**

Năm 2019 là năm triển khai đồng bộ các Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, Hội đồng nhân dân thành phố; là năm thứ 4 triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 111/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố. Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Việc xây dựng dự toán ngân sách năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm phải dựa trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, lũy kế việc thực hiện 03 năm 2016 - 2018, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; cân đối nguồn lực để thực hiện

các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành và đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật; thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ; thực hiện cơ cấu lại ngân sách gắn với việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công; rà soát lồng ghép các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí. Tăng cường quản lý thu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực công.

### **1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019:**

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019 được xây dựng tích cực, theo đúng chính sách, chế độ thu ngân sách nhà nước hiện hành đảm bảo tính đúng, tính đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu; bao gồm toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2018; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, gian lận thương mại, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, phát hiện và ngăn chặn hành vi chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

- Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

- Dự toán nguồn thu xổ số kiến thiết và sử dụng toàn bộ nguồn thu này cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế, xây dựng nông thôn mới, công trình ứng phó biến đổi khí hậu và công trình ứng phó biến đổi khí hậu khác theo quy định.

b) Căn cứ điều kiện, đặc điểm và tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn để xây dựng dự toán thu năm 2019 phù hợp với tình hình thực tế; dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức và lợi nhuận sau thuế) **tăng bình quân tối thiểu 12%** so với đánh giá ước thực hiện năm 2018. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu **tăng bình quân tối thiểu 4%** so với đánh giá ước thực hiện năm 2018.

### **2. Đối với dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019:**

a) Căn cứ vào nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 và

mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2019; xây dựng dự toán chi năm 2019 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW<sup>1</sup>, Nghị quyết số 19-NQ/TW<sup>2</sup> của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 198-KH/TU<sup>3</sup> của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

**b)** Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 được xây dựng trên cơ sở tiếp tục quán triệt yêu cầu thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, minh bạch ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2019. Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

**c)** Tiếp tục đánh giá, rà soát các chế độ, chính sách, định mức hiện hành của từng ngành, từng lĩnh vực. Chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm.

**d)** Các Sở ngành, quận - huyện báo cáo tình hình thu chi tài chính năm 2018 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2019 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

**đ)** Về định hướng chi đầu tư phát triển:

- Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách thành phố năm 2019 phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và giai đoạn 5 năm 2016 - 2020 của thành phố; đảm bảo thực hiện theo lộ trình 7 chương trình đột phá đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X thông qua; phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

- Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách thành phố còn hạn hẹp, cân đối thu chi còn nhiều khó khăn, việc bố trí kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 phải tuân thủ

<sup>1</sup> Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

<sup>2</sup> Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

<sup>3</sup> Kế hoạch số 198-KH/TU ngày 25/6/2018 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống Chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”

nghiêm các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư công<sup>4</sup>, đảm bảo các dự án đầu tư được giao kế hoạch đều phù hợp với quy hoạch và có đầy đủ thủ tục theo quy định; rà soát, đánh giá lại kế hoạch đầu tư công trung hạn; kiến nghị điều chỉnh trong phạm vi tổng mức kế hoạch đã được phê duyệt cho phù hợp với yêu cầu phát triển mới; ưu tiên bố trí dự toán năm 2019 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước, bố trí vốn cho các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2019. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, chương trình mục tiêu nông thôn mới, chương trình ứng phó biến đổi khí hậu và chương trình phúc lợi xã hội khác theo quy định.

- Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) và số thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ chi phí liên quan) phải nộp ngân sách nhà nước và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho mục đích đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật. Các cơ quan, đơn vị lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 từ nguồn thu này gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Xây dựng kế hoạch huy động và trả nợ (cả gốc và lãi) cho đầu tư phát triển theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các Nghị định có liên quan; thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho chi đầu tư phát triển trong trung hạn; bảo đảm số dư nợ huy động (bao gồm cả số dự kiến trong năm) không vượt quá hạn mức theo quy định. Tăng cường các giải pháp huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Thành phố, các dự án có thể thu hồi vốn trực tiếp.

**e) Về định hướng dự toán chi thường xuyên:**

- Dự toán chi thường xuyên được xây dựng trên cơ sở mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của thành phố; căn cứ thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách năm 2017, ước thực hiện năm 2018, các chế độ, chính sách và định mức chi thường xuyên đã được ban hành, xây dựng dự toán chi (**đầu tư và chi thường xuyên**) **chi tiết từng lĩnh vực chi** theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015.

- Dự toán chi thường xuyên phải bảo đảm triệt để tiết kiệm, gắn với việc thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 17-KL/TW và Kế hoạch số 198-

<sup>4</sup>Bao gồm các quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn; Luật NSNN năm 2015.

KH/TU về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm đầu mối, tránh chồng chéo; triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, khuyến khích thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công và sử dụng các dịch vụ phục vụ hoạt động chính quyền thành phố (xe, bảo vệ, tạp vụ) theo Đề án cung ứng dịch vụ tổng hợp thành phố; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài.

- Ưu tiên bố trí vốn chi phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - thể thao, môi trường, đảm bảo an sinh xã hội; tăng cường công tác chi quốc phòng, an ninh, bảo đảm giữ vững an ninh, trật tự xã hội trong tình hình mới; ưu tiên bố trí cho một số lĩnh vực quan trọng theo các Nghị quyết của Đảng bộ và Hội đồng nhân dân thành phố; chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tập trung hoàn thiện, ban hành các danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; đẩy nhanh việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW; đẩy mạnh việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo khối lượng, đơn giá được phê duyệt và nghiệm thu theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính; lưu ý bố trí nguồn dành ra do triển khai thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW.

- Bố trí dự phòng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và giải quyết những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

- Chủ động xây dựng dự toán chi thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trọng, xây dựng dự toán số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2019 để đề nghị ngân sách Trung ương tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố theo quy định.

### **3. Xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021**

Trên cơ sở kế hoạch 05 năm về phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020; các mục tiêu định hướng cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số

07-NQ/TW của Bộ Chính trị, căn cứ các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 02 năm còn lại của kế hoạch 05 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020; lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021 của các Sở, ban ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các quận - huyện được lập **trên cơ sở dự kiến trần chi ngân sách năm 2018, năm 2019 và năm 2020** do cơ quan có thẩm quyền thông báo cho từng cơ quan, đơn vị.

Trong quá trình lập kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm 2019 - 2021, cần rà soát, cập nhật, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nợ công đã đề ra cho cả giai đoạn 2016 - 2020, đề xuất các giải pháp phân đầu phát triển quy mô ngân sách theo hướng an toàn, bền vững. Trên cơ sở mục tiêu, kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, tính toán đầy đủ các tác động, xác định nguồn lực ngân sách có thể dành ra từ việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công để tạo nguồn cải cách tiền lương.

4. Cùng với việc xây dựng dự toán ngân sách năm 2019, các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác quyết toán; kiểm tra, xét duyệt và thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 theo đúng quy định; tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển; xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong bố trí dự toán chi ngân sách chưa phù hợp với tình hình thực tế triển khai thực hiện chính sách và Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố mà đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

#### **IV. Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách thành phố năm 2019**

Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Trong đó, ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình, dự án theo thứ tự như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán cho các dự án đã có khối lượng thực hiện nhưng chưa được bố trí kế hoạch vốn để thanh toán; bố trí vốn để hoàn ứng trước; dự án dự kiến hoàn thành năm 2019 (theo tiến độ trong quyết định đầu tư, khả năng cân



đổi vốn và khả năng thực hiện trong năm); tập trung bố trí vốn để thực hiện các công trình, dự án thuộc các Chương trình đột phá đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X thông qua.

- Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP);

- Bố trí vốn thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các dự án đã hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

- Vốn thực hiện các Chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua;

- Vốn phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý;

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các dự án nêu trên, nếu còn vốn mới xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới đã có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Bố trí đủ vốn để đảm bảo hoàn thành dự án theo đúng thời gian quy định.

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án để chủ đầu tư lập thủ tục đầu tư theo quy định.

- Đối với kế hoạch đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, tính toán xác định đủ các khoản thu để đảm bảo đủ nguồn vốn đầu tư cho các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

## **B. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019**

### **I. Phân công thực hiện**

#### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tính toán, xác định các phương án, các cân đối lớn để làm cơ sở hướng dẫn cho các sở - ban - ngành, quận - huyện xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở - ban - ngành, quận - huyện và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công của thành phố năm 2019.

c) Lập dự toán kinh phí để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm

2019 và công việc liên quan để thực hiện kế hoạch này.

**d)** Tham mưu, làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về mức bố trí chi đầu tư từ ngân sách cho thành phố năm 2019 phù hợp với tình hình thực tế của thành phố.

## **2. Sở Tài chính:**

**a)** Hướng dẫn các sở - ban ngành, quận - huyện đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018; lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021 phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; xây dựng và thông báo trần chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính.

**b)** Xây dựng phương án phân bổ chi thường xuyên của ngân sách năm 2019 báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

**c)** Phối hợp với Cục Thuế thành phố, Cục Hải quan thành phố và Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, tổng hợp dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021 báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

**d)** Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tổng hợp, đề nghị Trung ương phân bổ dự toán số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình có mục tiêu năm 2019 của thành phố.

## **3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:**

**a)** Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách thành phố năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021 của ngành, lĩnh vực phụ trách.

**b)** Các cơ quan nhà nước theo chức năng của mình, trên cơ sở tính toán các nguồn lực có thể khai thác được, xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực mình phụ trách. Đề xuất các giải pháp, các cơ chế, chính sách, chế độ mới hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách hiện hành gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan làm căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách thành phố năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021.

#### 4. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

Phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách thành phố năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021 của địa phương, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố trong việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách của mình.

## II. Tiến độ thực hiện

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức hướng dẫn khung xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách thành phố năm 2019; Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021 cho các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện **đầu tháng 8 năm 2018**.

2. Trên cơ sở khung hướng dẫn, các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2019, kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách thành phố năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021, danh mục các dự án đầu tư xây dựng năm 2019 và giai đoạn 2019 - 2021 (có sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, có đề xuất nguồn chi) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan **trước ngày 10 tháng 8 năm 2018**. Cục Thuế, Cục Hải quan thành phố xây dựng chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước năm 2019 theo từng lĩnh vực thu gửi Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 8 năm 2018**.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp nội dung báo cáo của các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố để dự thảo sơ bộ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách thành phố năm 2019; giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và Cục Hải quan thành phố tổng hợp nội dung báo cáo của các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố để dự thảo sơ bộ báo cáo dự toán ngân sách năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021 trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, thông qua và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính **trước ngày 20 tháng 08 năm 2018**.

4. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phương án phân bổ, giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2019, kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách thành phố năm 2019 cho sở - ban - ngành, quận - huyện và các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố **trước ngày 10 tháng 12 năm 2018**.

**5.** Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2019, kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách thành phố năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố, thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố phân bổ, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách cho từng đơn vị trực thuộc **trước ngày 31 tháng 12 năm 2018.**

Yêu cầu thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, nhằm đảm bảo công tác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2019, kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách thành phố năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021 theo quy định.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3509/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2018*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Sở Tài chính**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5148/TTr-STC-BVG ngày 01 tháng 8 năm 2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính (02 thủ tục mới ban hành trong lĩnh vực quản lý công sản).

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Ban Quản lý khu công nghệ cao và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

# DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3509/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

## Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý Khu công nghệ cao

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực quản lý công sản</b>					
1	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất trong khu công nghệ cao	Không quá 05 ngày làm việc	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao (Địa chỉ: Đường D1, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9)	Không	Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao
2	Miễn giảm tiền thuê đất trong khu công nghệ cao	Không quá 15 ngày làm việc	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao (Địa chỉ: Đường D1, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9)	Không	Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng